Luận văn

Thực trạng và những giải pháp thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi và phát triển kinh tế trên địa bàn huyện Chiêm Hoá

MỤC LỤC

Trang

Lời mở đầu:.....3

CHƯƠNG I: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP.....5

I/ Lý luận chung về phát triển kinh tế 5

1. Phát tiển kinh tế và vai trò của phát triển kinh tế.....5

2. Phát triển sản xuất nông lâm nghiệp.....10

II/ Sự cần thiết phải chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng ... .12

1. Sự cần thiết phải chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi 12

2. Hình thành vùng chuyên canh tập trung để đảm bảo phát triển kinh tế bền vững 14

CHƯƠNG II: ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ CƠ CẤU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP Ở HUYỆN CHIÊM HOÁ 18

I/ ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG 18

1. Đặc điểm kinh tế - xã hội huyện Chiêm Hoá 18

1.1 Khái quát về điều kiện tự nhiên.....18

1.2 Điều kiện kinh tế - xã hội.....21

1.3Điều kiện thị trường- tiềm năng- lợi thế về sản xuất nông lâm nghiệp của địa phương 27

2. Đặc điểm chung về phát triển nông nghiệp huyện Chiêm Hoá 29

2.1 Kết quả sản xuất nông nghiệp 5 năm qua (2001 - 2005) 29

2.2Cơ cấu sản xuất 32

3. Đánh giá kết quả so với tiềm năng 34

4. Một số tồn tại của cơ cấu sản xuất hiện tại và nguyên nhân.....41`

5. Bài học kinh nghiệm 43

II/ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP CỦA HUYỆN:.....44
CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG LÂM NGHIỆP TRONG NHỮNG NĂM TỚI HUYỆN CHIÊM HOÁ ĐỂ ĐẢM BẢO PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG 46
I/ MỤC TIÊU: 46
1. Mục tiêu chung.....46
2. Mục tiêu cụ thể.....47
3. Xác định các loại cây trồng, vật nuôi, bố trí thành vùng chuyên canh tập trung 48
a) Trồng trọt:.....48
b) Chăn nuôi:.....49
II/ NỘI DUNG QUY HOẠCH.....51
1. Về trồng trọt.....51
2. Về chăn nuôi.....52
III/ GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN 55
1. Công tác chỉ đạo.....55
2. Cơ chế chính sách.....57
3. Về kỹ thuật 58
4. Các giải pháp khác.....62
Kết luận 64
Tài liệu tham khảo 66

LỜI NÓI ĐẦU

Chiêm Hoá là một huyện vùng cao thuộc tỉnh miền núi Tuyên Quang. Với tổng diện tích tự nhiên của huyện là 145.960 ha, chiếm 20,90% diện tích tự nhiên của tỉnh. Là một huyện có nhiều đặc thù, nhiều tài nguyên phong phú và vị trí quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội. Chiêm Hoá có nhiều sông, suối lớn, độ dốc cao, hướng chảy khá tập trung, các con suối, ngòi đều đổ dồn về sông Gâm, bắt nguồn từ Trung Quốc. Các suối lớn như Ngòi Đài, Ngòi Đài, Ngòi Quẵng cùng nhiều khe suối nhỏ khác với tổng chiều dài 317 km, tạo thành một nguồn thuỷ sinh phong phú, thuận lợi cho trồng trọt, chăn nuôi, cung cấp nước, thuỷ sản phục vụ đời sống cho nhân dân ... Bình quân cứ 1000 ha đất thì có 130 km suối chảy qua.

Là một huyện có rất nhiều thuận lợi về phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, nhưng trong quá trình phát triển kinh tế của huyện còn có những hạn chế nhất định: Nền kinh tế phổ biến là sản xuất nhỏ, tự cấp, tự túc mang nặng dấu ấn của nền kinh tế tự nhiên, năng suất cây trồng, vật nuôi, năng suất lao động và hiệu quả kinh tế thấp, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, tỷ trọng sản xuất nông nghiệp cao hơn tỷ trọng sản xuất công nghiệp, dịch vụ, trình độ dân trí thấp. Cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn chưa thoát khỏi độc canh và thuần nông, chăn nuôi chưa phát triển mạnh, lâm nghiệp còn nặng về khai thác rừng tự nhiên để lại hậu quả nặng nề. Kinh tế phát triển chưa đồng đều giữa các xã vùng cao, vùng sâu, xa. Vì vậy việc chuyển đổi cơ cấu giông cây trồng, vật nuôi trên địa bàn huyện là hết sức cần thiết và cấp bách. Chính vì những lẽ đó nên em tiến hành chọn đề tài ***"Thực trạng và những giải pháp thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi và phát triển kinh tế trên địa bàn huyện Chiêm Hoá"***

Mục đích nghiên cứu của đề tài là hệ thống hoá một số vấn đề lý luận và phương pháp luận để xem xét đánh giá vấn đề phát triển kinh tế chuyển dịch cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn huyện. Phân tích đánh giá thực trạng phát triển kinh tế từ đó rút ra những mặt đã đạt được, chưa đạt được, những hạn chế và những vấn đề đặt ra cần được giải quyết. Trên cơ sở đó đưa ra những phương hướng và những giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững.

Nội dung của chuyên đề được thực hiện qua 3 phần:

Chương I: Khái quát chung về phát triển kinh tế và phát triển sản xuất nông nghiệp.

Chương II: Đánh giá trình hình phát triển và cơ cấu sản xuất nông nghiệp ở huyện Chiêm Hoá.

Chương III: Giải pháp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế nông nghiệp trong những năm tới của huyện Chiêm Hoá để đảm bảo phát triển kinh tế bền vững.

CHƯƠNG I:

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

I/ LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1) Phát triển kinh tế và vai trò của phát triển kinh tế:

a) Phát triển kinh tế:

Phát triển kinh tế tạo điều kiện cho con người sinh sống bất kỳ nơi đâu trong một quốc gia hay cả hành tinh này, đều được thoả mãn các nhu cầu sống, đều có mức tiêu thụ hàng hoá và dịch vụ tốt mà không phải lao động cực nhọc, đều có trình độ học vấn cao, đều được hưởng những thành tựu về văn hoá tinh thần, có đủ tiện nghi cho một cuộc sống sung túc và đều được sống trong một môi trường trong lành, được hưởng các quyền cơ bản của con người và được đảm bảo an ninh.

Phát triển kinh tế là quá trình lớn lên hay tăng tiến về mọi mặt của nền kinh tế bao gồm tăng về quy mô sản lượng, sự biến đổi về cơ cấu kinh tế - xã hội.

Một khái niệm ngắn gọn không thể bao hàm hết được nội dung rộng lớn của nó. Song, nhất thiết khái niệm đó phải phản ánh được nội dung cơ bản sau:

- Sự tăng lên về quy mô sản xuất làm tăng thêm giá trị sản lượng của cải, vật chất, dịch vụ và sự biến đổi tích cực về cơ cấu kinh tế, tạo ra một cơ cấu hợp lý có khả năng khai thác nguồn lực trong và ngoài nước.

- Sự tác động của tăng trưởng kinh tế làm thay đổi cơ cấu xã hội, cải thiện đời sống dân cư, giảm bớt đói nghèo, rút ngắn khoảng cách giữa các tầng lớp dân cư, đảm bảo công bằng xã hội.

- Sự phát triển là quy luật tiến hoá, song nó chịu tác động của nhiều nhân tố, trong đó có nhân tố nội lực của nền kinh tế có ý nghĩa quyết định, còn nhân tố bên ngoài có vai trò quan trọng.

Phát triển kinh tế phản ánh sự vân động của nền kinh tế từ trình độ thấp lên trình độ cao hơn

Phát triển kinh tế nông nghiệp một cách toàn diện nhằm từ đó tích luỹ cho công nghiệp và các ngành khác trong nền kinh tế.

Phát triển kinh tế nông nghiệp cần phải chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn là bộ phận cấu thành rất quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, có ý nghĩa rất to lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn là tổng thể của kinh tế bao gồm mói quan hệ tương tác giữa các yếu tố của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất thuộc khu vực kinh tế nông thôn trong những khoảng thờigian và điều kiện kinh tế xã hội nhất định.

Sau Nghị quyết 10 của Bộ chính trị và nhiều chính sách mới được ban hành đã giải được những khả năng buộc phong kiến phi kinh tế trong nông nghiệp và nông thôn, tạo cho nông nghiệp đạt những thành tựu to lớn góp phần từng bước chuyển nền nông nghiệp tự túc sang sản xuất hàng hoá. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng và nông thôn nói chung đã và đang có sự khởi sắc, sản xuất phát triển đời sống nhân dân được cải thiện. Mặt khác, việc chuyển dịch cơ cấu ngành, theo vùng, lãnh thổ, theo các thành phần kinh tế, theo cơ cấu kỹ thuật - công nghệ hướng tới nền sản xuất hang hoá và đạt được nhiều tiến bộ đáng kể.

Thế nhưng trong phạm vi cả nước. Ở mỗi ngành, mỗi vùng có cư cấu riêng của mình tuỳ theo điều kiện tự nhiên xã hội, điều kiện kinh tế cụ thể.

Trong phạm vi cả nước, cơ cấu kinh tế hợp lý phải phản ánh sự tác động của các quy luật phát triển khách quan bởi nó được hình thành do sự phát triển của lực lượng sản xuất và phân công lao động chi phối. Với một trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất sẽ có một cơ cấu kinh tế cụ thể tương ứng. Các Mác nói "*Trong sự phân công lao động xã hội thì con số tỷ lệ là một tất yếu không trác khỏi mọi sự tất yếu thầm kín, im lặng"*. Vai trò của yếu tố chủ quan là thong qua nhận thức ngày càng sâu sắc của quy luật khách quan mà phân tích, đánh giá những xu hướng phát triển khác nhau đôi khi còn mâu thuẫn nhau, để tìm ra những phương án thay đổi cơ cấu có hiệu quả cao nhất trong những điều kiện cụ thể của đất nước. Con người có thể tác động góp phần thúc đẩy hoặc hạn chế quá trình hình thành và biến đổi cơ cấu kinh tế ngày càng hợp lý và ngược lại. Mọi ý định chủ quan, nóng vội hay bảo thủ trong việc tạo ra sự thay đổi cơ cấu thường dẫn đến hậu quả đối với nền kinh tế.

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp phản ánh quy luật chung của quá trình phát triển kinh tế - xã hội, cư cấu này ở mỗi nơi lại khác nhau và trong một nước thì mỗi vùng lại có một cơ cấu khác nhau, do đó ta thấy cơ cấu kinh tế mang tính vùng rõ rệt. Chính từ việc tôn trọng tính vùng mà việc xây dựng cơ cấu kinh tế không thể theo khuôn mẫu chung mà phải có tính linh hoạt, mềm dẻo thì mới đảm bảo được hiệu quả kinh tế, phát huy được tính vùng.

b) Vai trò của phát triển kinh tế:

Nông nghiệp là một trong những ngành sản xuất vật chất quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Hoạt động nông nghiệp không những gắn liền với các yếu tố kinh tế, xã hội mà còn gắn với các yếu tố tự nhiên. Nông nghiệp theo nghĩa rộng gồm có: Trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thuỷ sản có vị trí hết sức quan trọng nó đáp ứng vào quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và của từng địa phương. Đặc trưng trong nông nghiệp

ruộng đất là tư liệu sản xuất đặc biệt. Đối tượng của sản xuất là những cây trồng, vật nuôi. Trong sản xuất nông nghiệp, sự hoạt động của lao động và tư liệu sản xuất có tính thời vụ, được tiến hành trên địa bàn rộng lớn và mang tính khu vực. Nông nghiệp giữ vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế. Đặc biệt trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tốc độ tăng trưởng của nông nghiệp ảnh huởng quyết định đến tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế. Do đó nghiên cứu mối quan hệ về vai trò nông nghiệp đối với phát triển kinh tế có ý nghĩa quan trọng cả khía cạnh lý thuyết và thực tiễn. Hầu hết các nước đang phát triển rơi vào cái bẫy của tình trạng "vòng luẩn quẩn của nghèo khổ" Các yếu tố trong sơ đồ vừa là "nhân" vừa là "quả" đã hình thành một vòng luẩn quẩn làm cho nhiều quốc gia khoa thoát khỏi tình trạng nghèo đói - kém phát triển. Khía cạnh kinh tế xuất phát từ mức thu nhập bình quân đầu người thấp dẫn đến tích luỹ, đầu tư và năng suất thấp rồi trở lại thu nhập thấp. Khía canh xã hội xuất phát từ sinh đẻ nhiều, dân số tăng nhanh - dẫn đến dinh dưỡng thấp, bênh tật cao, đông con dẫn đến tình trạng dốt nát, rồi lại trở lại sinh đẻ nhiều. Kết hợp với thu nhập thấp làm cho tình trạng nghèo đói trở nên trầm trọng hơn.

Để thoát khỏi tình trạng nêu trên trong chiến lược phát triển kinh tế của các nước đang phát triển thường chọn các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, vận tải, thông tin, thương mại - du lịch là những mục tiêu tác động để đẩy nhanh mức tăng trưởng kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân. Đặc biệt đối với những nước có ưu thế về tiềm năng tự nhiên gắn với nông nghiệp thì nông nghiệp có vai trò quan trọng trng việc thực hiện mục tiêu này. Vai trò của nông nghiệp được thể hiện chủ yếu qua 2 khía cạnh: Kích thích sự tăng trưởng nền kinh tế và đóng góp vào mức tăng trưởng GDP của nền kinh tế.

Nông nghiệp giữ một vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, đặc biệt đối với các nước đang phát triển. Bởi các nước này đa số người dân sống dựa vào nghề nông. Để phát triển kinh tế và nâng cao phúc lợi cho nhân dân, Chính phủ cần có chính sách tác động vào khu vực nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất cây trồng và tạo ra nhiều việc làm ở nông thôn.

Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản giữ vai trò to lớn trong việc phát triển kinh tế ở hầu hết các nước, nhất là ở các nước đang phát triển. Ở những nước này còn nghèo, đại bộ phận sống bằng nghề nông. Tuy nhiên, ngay cả những nước có nền công nghiệp phát triển cao, mặc dù tỷ trọng GDP nông nghiệp không lớn, nhưng khối lượng nông sản của những nước này khá lớn và không ngừng tăng lên, đảm bảo cung cấp đủ cho đời sống con người những sản phẩm tối cần thiết đó là: Lương thực, thực phẩm. Những sản phẩm này cho dù trình độ kha học - công nghệ phát triển như hiện nay vẫn chưa có ngành nào có thể thay thế được. Lương thực, thực phẩm là yếu tố đầu tiên, có tính chất quyết định sự tồn tại, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước . Qua các vấn đề nêu trên đã chứng minh vai trò quan trọng của nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân nó là một ngành không thể thiếu trong cơ cấu kinh tế của mỗi quốc gia và nhất là đối với các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

Vai trò của chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp đáp ứng sự phát triển của kinh tế thị trường, đáp ứng về yêu cầu nông sản phẩm xã hội, nhu cầu tiêu dung của dân cư, là điều kiện để mở rộng thị trường, tạo cơ sở thay đổi bộ mặt nông thôn nói chung và bộ mặt nông nghiệp nói riêng, đồng thời tạo ra một nền sản xuất chuyên môn hoá, thâm canh tiên tiến và các ngàn liên kết với nhau chặt chẽ hơn.

Phát triển kinh tế nhằm tạo ra của cải, vật chất, tạo ra nguồn thu nhập cao để thoả mãn các nhu cầu ngoài nhu cầu ăn như: Nhà ở, mặc, văn hoá, y tế, giáo dục, phương tiện đi lại ...

2) Phát triển sản xuất nông nghiệp:

a) Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp:

Nông nghiệp là một lĩnh vực rất phong phú. Nông dân sống ở khu vực nông nghiệp gắn liền với nông thôn, sản xuất gắn liền với thiên nhiên, với môi trường và gặp nhiều rủi ro, đặc biệt là đối với nước chưa phát triển, khoa học kỹ thuật, kỹ thuật canh tác còn lạc hậu, trình độ lao động thấp. Người nông dân ở đây, họ vừa là những người sản xuất vừa là những người tiêu thụ sản phẩm của chính bản thân họ làm ra. Bởi vậy tính phối hợp liên ngành như cung ứng vật tư, chế biến , tiêu thụ sản phẩm còn ở mức độ thấp, đóng góp từ khu vực nông nghiệp và thu nhập quốc dân chưa cao và bất ổn định.

Việt Nam là một nước đang phát triển, đất nước có nhiều thuận lợi về phát triển nông nghiệp, nhiều tài nguyên, có thảm thực vật phong phú, đa dạnh có tiềm năng sinh khối lớn, nhiều loài vật có giá trị kinh tế cho phép phát triển một nền nông nghiệp đa dạng và có thể đi vào chuyên canh nhiều loại cây, con.

Nước ta đất chật, dân số không ngừng tăng lên khả năng mở rộng quy mô sản xuất nông nghiệp hạn chế. Việc chuyển nền nông nghiệp sang sản xuất hàng hoá gặp nhiều khó khăn về vốn, kỹ thuật, trình độ lao động, khả năng quản lý.

Đây là những đặc điểm nổi bật cần phải khắc phục nhanh chóng tạo tiền đề cho nhiệm vụ công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn nước ta theo hướng bền vững, tiến lên một nền nông nghiệp mà:

- Đi vào sản xuất hàng hoá
- Năng suất cây trồng và gia súc cao
- Năng suất lao động cao
- Sử dụng hệ thống thuỷ canh

Và cần phải khắc phục những hạn chế:
- Sử dụng năng lượng lãng phí
- Chất lượng nông sản kém
- Môi trường bị ô nhiễm

b. Vai trò, vị trí của sản xuất nông nghiệp:

Nông nghiệp giữ một vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, đặc biệt đối với các nước đang phát triển. Bởi vì các nước này đa số người dân sống dựa vào nghề nông. Để phát triển kinh tế và nâng cao phúc lợi cho nhân dân, Chính phủ cần có chính sách tác động vào khu vực nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất cây trồng và tạo nhiều việc làm ở nông thôn.

Các nước đang phát triển phải sản xuất lương thực cho nhu cầu tiêu dùng của dân số nông thôn cũng như thành thị. Nông nghiệp còn cung cấp các yếu tố đầu vào cho hoạt động kinh tế. Để đáp ứng nhu cầu lâu dài của phát triển kinh tế việc tăng dân số ở khu vực thành thị sẽ không đủ đáp ứng. Cùng với việc tăng năng suất lao động trong nông nghiệp, sự di chuyển dân số ở nông thôn ra thành thị sẽ là nguồn lực đáp ứng nhu cầu nông nghiệp hoá đất nước. Bên cạnh đó, nông nghiệp còn là ngành cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

Phát triển nông nghiệp một cách toàn diện nhằm tích luỹ cho cho công nghiệp và các ngành khác trong nền kinh tế.

II/ SỰ CẦN THIẾT PHẢI CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU GIỐNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI, HÌNH THÀNH VÙNG CHUYÊN CANH TẬP TRUNG ĐỂ ĐẢM BẢO PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG:

1. Sự cần thiết phải chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi.

Chiêm Hoá là một huyện miền núi của tỉnh Tuyên Quang, là vùng có địa hình phức tạp bị chia cắt bởi các dãy núi. Nhân dân chủ yếu sản xuất nông nghiệp, trình độ dân trí, trình độ thâm canh của nông hộ phát triển không đồng đều, sản xuất còn tự túc, tự cấp, vì vậy đời sống của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Vị trí của huyện nằm sâu trong lục địa xa các trung tâm kinh tế của cả nước, giao thông đi lại còn gặp nhiều khó khăn, có phần hạn chế về giao lưu kinh tế.

Trong những năm qua huyện đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế nông lâm nghiệp, chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, bước đầu đã đem lại kết quả khá toàn diện. Tuy nhiên nền kinh tế của huyện nói chung, kinh tế nông lâm nghiệp vẫn trong trình trạng phát triển chưa mạnh mẽ; sản xuất nông lâm nghiệp còn mang tính manh mún, phân tán, chuyển dịch cơ cấu cây trồng còn chậm, chưa tạo ra các vùng chuyên canh sản xuất hàng hoá và thị trường tiêu thụ với quy mô lớn, việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất còn chậm, hiệu quả thấp; sản lượng nông sản có tăng xong chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng của huyện, tỷ trọng trong chăn nuôi còn thấp trong cơ cấu ngành nông nghiệp, chưa phát huy thế mạnh chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò); đòi hỏi khách quan cần có sự sắp xếp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng khai thác tiềm năng to lớn trong lĩnh vực sản xuất nông lâm nghiệp, hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung.

Với điều kiện tự nhiên, đất đai, thời tiết, khí hậu ... cùng với điều kiện kinh tế - xã hội, nguồn lao động dồi dào, có truyền thống lịch sử cách mạng thì huyện Chiêm Hoá có tiềm năng phát triển kinh tế nông lâm nghiệp.

Nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội nói chung, kinh tế nông lâm nghiệp nói riêng, huyện Chiêm Hoá đã có nhiều chủ trương lớn và chính sách cụ thể, đẩy mạnh phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát huy thế mạnh và tiềm năng kinh tế nông lâm nghiệp.

Giai đoạn 2006 - 2010 huyện đứng trước những thuận lợi hết sức cơ bản, là huyện có tiềm năng và nguồn lực để phát triển kinh tế nông lâm nghiệp với khối lượng nông lâm sản hàng hoá lớn như: Cây lúa, ngô, lạc, đàn trâu, bò, đàn lợn, đàn gia cầm , cây lâm nghiệp ... đó là điều kiện thuận lợi để phát triển ngành công nghiệp chế biến nông lâm sản.

Do vậy việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, hình thành vùng chuyên canh tập trung để đảm bảo phát triển kinh tế bền vững trong những năm tới là vấn đề cấp bách được ưu tiên giải quyết, đây là chương trình phát triển kinh tế cây trồng sản xuất hàng hoá trọng điểm của huyện nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao, giúp các hộ dân phát triển kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập ,góp phần xoá đói, giảm nghèo trên dịa bàn huyện Chiêm Hoá.

2. Hình thành vùng chuyên canh tập trung để đảm bảo phát triển kinh tế bền vững:

Xây dựng một nền nông nghiệp hàng hoá mạnh, phát triển bền vững, từng bước hiện đại hoá trên cơ sở áp dụng công nghệ mới, công nghệ cao và công nghệ sạch có khả năng cạnh tranh quốc tế.

Bên cạnh đó xây dựng nông thôn mới XHCN ở nước ta theo hướng một nông thôn có kinh tế nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ cùng phát triển, công nghiệp hoá, hiện đại hoá bảo đảm cho người dân có cuộc sống sung túc, không còn đói nghèo, xã hội nông thôn văn minh, dân chủ và công bằng.

Trong nông nghiệp thực hiện chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo xu hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp và tăng dần tỷ trọng của ngư nghiệp trong tổng giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, tỷ trọng cây lương thực tăng dần, tỷ trọng cây công nghiệp tăng.

Trong nông thôn, tỷ trọng của sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp giảm dần, tỷ trọng của sản xuất công nghiệp và dịch vụ từng bước nâng lên.

Như vậy để thực hiện được mục tiêu, ta cần phải phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững:

- Đầu tư có trọng điểm cho sản xuất lương thực, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia và tham gia mạnh mẽ vào thị trường lương thực thế giới.

- Tập trung đầu tư cho phát triển những mặt hàng mà chúng ta có lợi thế, những mặt hang chủ yếu chúng ta hướng ra xuất khẩu, không ngừng nâng cao khả năng cạnh tranh của các mặt hang này trên thị trường khu vực và thế giới.

- Đầu tư thoả đáng cho việc phát triển sản xuất các loại sản phẩm thay thế nhập khẩu.

- Coi thuỷ sản là ngành mũi nhọn, cần đầu tư phát triển mạnh của nông nghiệp.

- Phấn đấu thực hiện trồng chương trình phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, nâng độ che phủ của rừng.

- Phát triển mạnh công nghiệp và các hoạt động dịch vụ trong nông thôn.

- Quan tâm thoả đáng đến việc đầu tư xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng và phát triển kinh tế cho nông thôn đặc biệt là thuỷ lợi, giao thông, điện nước sinh hoạt.

- Tập trung sức của trung ương, địa phương của đoàn thể, tổ chức chính trị, tổ chức quần chúng giải quyết tốt vấn đề xã hội trong nông thôn.

Để đảm bảo việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp có hiệu quả, vững chắc thông qua những định hướng 2006 - 2010 chúng ta phải thực hiện và tiếp tục thực hiện những giải pháp chủ yếu:

- Có chính sách đồng bộ về Tài chính - Ngân hàng hỗ trợ tích cực để đầu tư cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

+ Để phát triển kinh tế nói chung, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng, trước hết ta phải đề cập đến tài chính và khả năng đầu tư. Cần phải tính toán đến chi phí đầu tư rộng lớn trên nhiều phương diện nhằm đảm bảo sự chuyển dịch một cách đồng bộ cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Sự thay đổi vật nuôi, cây trồng, thời gian canh tác trong nông nghiệp khong phải là mọt sơm, một chiều mà thực hiện được. Cần phải có một nguồn vốn lớn, đủ mạnh để hỗ trọ một cách tích cực sự thay đổi đó.

+ Cần phải xây dựng dự án tổng thể vào nông nghiệp làm thế nào để cứ một đồng vốn đầu tư trở về ngân sách kéo theo, thu hút theo nhiều lần vốn của thành phần kinh tế khác. Cần phải xây dựng một hệ thống chính sách phát triển tổng quốc gia, trong đó chính sách đầu tư là bộ phận cấu thành quan trọng và xuyên suốt. Xây dựng chính sách tín dụng cho nông nghiệp vừa thích ứng với cơ chế thị trường vừa tuân thủ điều kiện vĩ mô của nhà nước, xoá bỏ mọi bao cấp qua con đường tín dụng, lấy tín dụng là phương thức đầu tư chủ yếu với nguồn vốn, phân biệt rạch ròi chính sách tài trợ xã hội với đầu tư tín dụng. Thống nhất các loại hình tín dụng nông nghiệp theo một quy chế nhất định, thích hợp với hoàn cảnh.

- Áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, mở rộng và đẩy mạnh sản xuất nông sản hang hoá phải đi đoi với việc tạo lập và tìm kiếm thị trường tiêu thụ vững chắc.

+ Cần áp dụng một cách chọn lọc các tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ vào sản xuất nông nghiệp nhất là công nghệ sinh học. Giá trị nông sản hàng hoá sẽ tăng lên rất nhiều nếu thông qua một công nghệ chế biến bảo quản hữu hiệu và thiết thực. Vấn đề cần phải đặc biệt quan tâm trong sản xuất công nghiệp trong kinh tế thị trường là khâu tiêu thụ sản phẩm, nâng cao năng suất nông sản hang hoá phải gắn với nhu cầu thị trường.

+ Phát triển một cơ sở hạ tầng của kinh tế nông nghiệp nhằm phục vụ đắc lực cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Muốn có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp linh hoạt và hữu hiệu cần phải có cơ sở hạ tầng kinh tế nông thôn thích hợp nhất là thông tin liên lạc và giao thông vận tải. Tiếp đến là hệ thống điện, truyền thanh - truyền hình ở nông thôn.

+ Đa dạng hoá các loại hình tổ chức phát triển kinh tế nông nghiệp. Quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp gắn với việc xây dựng, phát triển rộng rãi các tổ chức kinh tế từ nông trường, nông trường quốc doanh, đến hợp tác xã, hộ nông dân và có nền chăn nuôi phát triển mạnh các trang trại chăn nuôi.

+ Có chính sách sử dụng đất nông nghiệp đúng đắn sao cho quá trình đô thị hoá nông thôn không sử dụng hết đất canh tác nông nghiệp. Nâng cao tiến độ cấp giấy phép sử dung đất nông nghiệp cho người người nông dân.

Quy hoạch và công bố rộng rãi các vùng đất chuyên canh, giám sát chặt chẽ hơn việc sử dụng đất nông nghiệp vào các mục đích kinh tế khác. Quy định rõ trách nhiệm của người nhận ruộng về cải tạo, tu bổ và nâng cao năng suất đất đai.

+ Chiến lược con người trong nông nghiệp cần phải có một chiến lược giáo dục, đào tạo con người trong nông nghiệp sao cho đáp ứng được quyền chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

CHƯƠNG II

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP

I/ ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG:

1. Đặc điểm kinh tế - xã hội huyện Chiêm Hoá

1.1. Khái quát về diều kiện tự nhiên:

a) Thảm động, thực vật

Mật độ che phủ rừng hiện nay của huyện là 68,3%. Tập đoàn cây rừng chủ yếu là song, mây, tre, nứa, lát, trò chỉ, nghiến và một số cây trồng dược liệu như: Mộc nhĩ, măng khô. Động vật rừng có nhiều loại quý hiếm như lợn rừng, hươu, nai, khỉ và các loại gặp nhấm như chim chóc, sóc ...

Tập đoàn cây trồng vật nuôi khá phong phú:

- Cây lương thực: Lúa, ngô, khoai, sắn, rong, riềng.

- Cây công nghiệp: Chè, cà phê

- Cây ăn quả: Cam, quýt, nhãn, vải

- Cây dược liệu: Quế, sa nhân

- Cây lấy gỗ: Thông, tếch, xoan, keo ...

- Động vật nuôi: Trâu, bò, lợn, dê, gia cầm

b) Quy mô, cơ cấu, chất lượng đất đai:

Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 145.960 ha. Huyện nằm trong địa hình núi cao, độ dốc lớn. Địa hình phức tạp, nên quá trình sản xuất nông lâm nghiệp gặp nhiều khó khăn, hạn chế, quá trình này thể hiện ở việc sử dụng đất đai vào mục đích nông lâm nghiệp được thể hiện ở biểu sau:

Biểu 1: Hiện trạng sử dụng đất của huyện Chiêm Hoá năm 2005

Hạng mục	Số lượng (ha)	Cơ cấu (%)
Tổng diện tích tự nhiên	145.960	100
I. Đất nông nghiệp	**131.441,16**	**90,05**
1. Đất sản xuất nông nghiệp	***10.828,14***	***7,42***
1.1 Đất trồng cây hàng năm	8.171,93	5,6
1.2 Đất trồng cây lâu năm	2.656,21	1,82
2. Đất lâm nghiệp	***120.235,67***	***82,38***
2.1 Đất rừng sản xuất	28.957,69	19,84
2.2 Đất rừng phòng hộ	90.233,28	61,82
2.3 Đất rừng đặc dụng	1.044,7	0,715
3. Đất nuôi trồng thuỷ sản	***376,92***	***0,25***
4. Đất nông nghiệp khác	***0,43***	
II. Đất phi nông nghiệp	**6.021,47**	**4,13**
1. Đất ở	***1.008,57***	***0,69***
1.2 Đất chuyên dùng	1.657,85	1,14
1.3 Đất tôn giáo, tín ngưỡng	1,24	
III. Đất chưa sử dụng	**8.497,37**	**5,82**

1. Đất bằng chưa sử dụng	***844,94***	***0,58***
2. Đất đồi núi chưa sử dụng	***6.811,86***	***4,67***
3. Đất núi đá không có rừng cây	***840,57***	***0,57***

Nguồn số liệu:Phòng Nông nghiệp và PTNT Chiêm Hoá cung cấp

Do địa hình của huyện có nhiều núi cao, độ dốc lớn nên diện tích đất đai của huyện được sử dụng vào mục đích lâm nghiệp tương đối lớn so với diện tích đất tự nhiên chiếm 82,38%. Trong khi đó đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp lại không lớn, đất nông nghiệp 10.828,14 chiếm 7,42% tổng diện tích tự nhiên của toàn huyện.

Tuy nhiên sự phân bố lại không đồng đều giữa các xã trong huyện. Một thực tế là tuy diện tích dất nông nghiệp bình quân đầu người như vậy, nhưng đất đai ở đây đang bị sói mòn, bạc màu ở những nơi có độ dốc cao, mặt khác nhân dân lại chưa chủ động được nước tưới tiêu cho cây trồng, trình độ thâm canh nên gặp rất nhiều khó khăn về sản xuất nông lâm nghiệp.

Tiềm năng đất lâm nghiệp trong huyện còn rất lớn nhưng khả năng khai thác đưa vào sử dụng lại không cao vì để đưa được đất đai hoang hoá vào sản xuất người nông dân phải tốn rất nhiều công sức, tiền của. Trong khi trình độ trang bị khoa học kỹ thuật của người dân lại rất thấp, vốn cho các công trình khai hoang, định canh định cư không nhiều ...

c) Lao động:

Theo số liệu điều tra cho thấy tình hình dân số và lao động cho thấy, lao động của huyện là lao động trẻ, khoẻ, cần cù, chịu khó, ham học hỏi.

Nếu được đào tạo thì đây chính là những hạt nhân cơ bản của huyện sẽ giúp huyện phát triển kinh tế một cách bền vững.

1.2. Điều kiện Kinh tế - Xã hội, Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật của huyện:

a) Giao thông:

Hệ thống giao thông được củng cố và phát triển, hoạt động thực thi dự án thành phần giao thông chủ yếu là hoạt động xây dựng cơ bản và duy tu bảo dưỡng đường. Xây dựng đường chủ yếu là cải tạo, nâng cấp đã hoàn thành đưa vào sử dụng là 237,4 km.

Tuyến đường Chiêm Hoá đi Tân An, Hà Lang, Trung Hà dài 42 km đã được làm đường nhựa và đang tiến hành dải nhựa tiếp tuyến đường Chiêm Hoá đi Phúc Sơn, Minh Quang, Thổ Bình, Bình An dài 45 km, còn lại đều được dải cấp phối.

Các xã đều có đường ô tô đến trung tâm xã và 392/396 thôn bản. Toàn huyện có 5 cầu lớn là cầu Chiêm Hoá và cầu Quẫng, cầu Yên Nguyên, cầu Đài Thị, cầu vào khu di tích Kim Bình và đang tiến hành xây dựng cầu Ngòi 5 dự kiến đến tháng 2 năm 2007 là thông cầu. có 3 cầu treo và có nhiều đường tràn qua suối đã được kiên cố giúp cho người dân đi lại được thuận lợi. Đảm bảo giao thông thông suốt Tuy nhiên toàn huyện còn có 4 thôn bản chưa có đường ô tô đến trung tâm thôn.

Nhìn chung, hệ thống đường giao thông của huyện, đặc biệt là các tuyến liên xã, liên thôn là đường đất, lắm dốc luôn bị mưa bão, lũ lụt làm sạt lở, sói mòn, gây không ít khó khăn cho giao thông, vận tải, đặc biệt là trong

mùa mưa lũ, gây ách tắc giao thông, hạn chế lớn đến việc vận chuyển vật tư nông lâm sản của nhân dân trong huyện.

b) Bưu điện:

Phát triển đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc của địa phương; 29/29 xã có thư báo đến trong ngày và điểm Bưu điện văn hoá xã. bình quân có 1 máy điện thoại/100 dân.

c) Thuỷ lợi:

Từ năm 2001 đến 31/12/2006, hoạt động thành phần thuỷ lợi do dự án đầu tư và ngân sách tỉnh hỗ trợ là một hoạt động thường xuyên, các thông tin được cập nhật kịp thời. Việc xây dựng kiên cố các công trình đầu điểm được đặc biệt quan tâm, xây dựng kiên cố hoá các tuyến mương, vận hành, duy tu bảo dưỡng các công trình xây dựng thuỷ lợi nhằm phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp, đảm bảo đủ nước tưới cho sản xuất nông nghiệp.

- Tổng số công trình có trên địa bàn huyện tính đến tháng 12 năm 2006 là 635 công trình.

Trong đó:

+ 71 hồ chứa

+ 218 đập xây

+ 45 đập rọ thép

+ 3 trạm bơm các loại

+ 296 phai tạm

+ 2 mương dẫn nước

+ 582,8 km kênh mương. Trong đó số km kênh mương đã được kiên cố đến 31/12/2006 là 408,2 km.

Việc xây dựng các công trình thuỷ lợi đã góp phần tích cực vào củng cố hạn tầng cơ sở, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, phù hợp với chủ trương chung của tỉnh và của huyện. Tổng diện tích tưới tiêu của các công trình thuỷ lợi trên địa bàn huyện là:

- Vụ đông xuân: 3.804 ha

- Vụ mùa: 4.183 ha

Diện tích tưới tiêu chắc chắn mà các công trình đem lại đã góp phần tích cực vào việc phát triển lương thực trong mục tiêu chiến lược của Đảng và Nhà nước ta, khắc phục hậu quả thiên tai và tăng sản lượng lương thực, góp phần vào việc phát triển kinh tế của đát nước.

d) Công trình điện:

Hiện nay đường điện 35KV (điện lưới Quốc gia) đã được kéo đến 29/29 xã, thị trấn, nhìn chung các thôn bản ở các xã vùng cao, vùng sâu, xa đều đã có điện lưới kéo đến tận hộ gia đình, đáp ứng đủ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của nhân dân.

e) Y tế

Huyện Chiêm Hoá có 1 bệnh viện huyện, 4 phòng khám đa khoa khu vực và có 26 Trạm y tế. Bệnh viện huyện và 4 phòng khám đa khoa khu vực là nhà tầngcòn lại các trạm y tế phần lớn là nhà cấp 4, các trạm y tế thôn bản là nhà tạm bợ. Tổng số giường bệnh của toàn huyện hiện nay là 265 giường. Công suất sử dụng giường bệnh đạt > 80%. Thực hiện Nghị quyết 30 của Tỉnh uỷ. Đẩy mạnh thực hiện hoá xã hội hoá công tác y tế và củng cố y tế từ huyện đến cơ sở. Đã lồng ghép được 280 cán bộ y tế thôn bản, 26/26 trạm y tế có bác sỹ, 31/31 trạm có vườn thuốc nam.

g) Công trình nước sinh hoạt:

Nguồn nước sinh hoạt của huyện chủ yếu là từ sông, suối và mỏ nước. Chất lượng một số nguồn nước không đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh.

Trong những năm qua Nhà nước đầu tư xây dựng được nhiều công trình cấp nước sinh hoạt cho các xã trong huyện đảm bảo người dân có nước sạch phục vụ cho sinh hoạt.

h) Chợ:

Chiêm Hoá có 1 chợ trung tâm huyện đã được xây dựng kiên cố và hoạt động có hiệu quả. Ngoài ra toàn huyện có 3 chợ nhỏ thuộc các xã Hoà Phú, Yên Nguyên, Minh Quang các chợ thuộc các xã này đều hoạt động tốt có hiệu quả, nhân dân họp chợ vào các ngày thứ 2 và thứ 5 hàng tuần.

i) Phong tục tập quán:

Xã hội truyền thống của các dân tộc ở đây là xã hội của các cư dân nông nghiệp với các nghề trồng trọt , chăn nuôi , khai thác lâm sản ... trong đó chủ yếu là nghề trồng lúa, trồng nô. Dân tộc tày, nùng chuyên trồng lúa nwocs sống tập trung ở những vùng tương đối bằng phẳng, thuận tiên đi lại, dân tộc Dao, H ' Mông vừa canh tác trên nương dốc đá, vừa làm nương rẫy, cư trú tập trung ở vùng cao, vùng xa.

Sản xuất độc canh cây lương thực, du canh, du cư, phá rừng làm nương. Quảng canh và chăn nuôi thả rông là đặc trưng lâu đời(đặc biệt là dân tộc H' Mông). Ý thức tự cấp, tự túc phân phối bình quân và tinh thần đoàn kết tương trợ lẫn nhau vừa là tâm lý, vừa là tập quán của nhiều dân tộc trong huyện. Tính cộng đồng ở đây rất cao, những người trưởng họ, trưởng bản có nhiều uy tín trong dân.

k) Trường học:

Hiện nay toàn huyện có 64 trường học với 1.443 lớp/746 phòng học đảm bảo cho học sinh học 2 ca, trong đó nhà xây 85 nhà, nhà ngói 640, nhà tre nứa tạm bợ 21.

l) Đội ngũ cán bộ của huyện:

Đội ngũ cán bộ huyện có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm nhiều năm hoạt động trong ngành và hoạt động có hiệu quả. Tuy nhiên do khối lượng công việc nhiều, địa bàn rộng nên về công tác quản lý còn có nhiều hạn chế, nhưng còn có một số cán bộ huyện chỉ tốt nghiệp trung học, cao đẳng chuyên nghiệp, trình độ đại học còn ít, nên cũng gây khó khăn trong quá trình công tác quản lý kinh tế - xã hội.

* Đánh giá chung về điều kện tự nhiên - kinh tế - xã hội của huyện:

- Thuận lợi:

+ Về điều kiện tự nhiên có tiềm năng lớn về phát triển nông nghiệp vừa mang tính đặc thù, vừa mang tính đa dạng, cho nên có khả năng phát triển nhiều nông sản hàng hoá có giá trị như: Chè, mía, mận, nhãn, vải ...

+ Huyện được Nhà nước quan tâm, đầu tư phát triển thông qua các chương trình đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

+ Nhân dân trong huyện có truyền thống văn hoá đặc sắc, mang đậm bản sắc dân tộc, cần cù chịu khó, đoàn kết, tin tưởng vào chủ trương đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước.

- Khó khăn cơ bản:

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên Chiêm Hoá còn có rất nhiều những khó khăn cần phải được giải quyết như:

+ Là 1 huyện vùng cao cách xa tỉnh ly, xa các cửa khẩu, bến cảng và các trung tâm trị trường lớn, nên việc tiêu thụ hàng hoá gặp nhiều khó khăn, hạn chế việc phát triển các loại nông sản tươi sống và nhu cầu vận chuyển lớn. Giao thông đi lại khó khăn, đặc biệt vào mùa mưa lũ, do địa hình dốc

chia cắt phức tạp gây sạt lở làm ách tắc giao thông, hàng năm huyện phải chi phí nhiều vào việc khắc phục, sửa chữa.

+ Cơ sở vật chất còn nghèo nàn, lạc hậu, thiếu thốn, đời sống vật chất tinh thần của đồng bào trong huyện còn thấp. Phần lớn các hộ chưa có tích luỹ để tái sản xuất mở rộng.

+ Do không có thị trường, sản xuất lạc hậu, manh mún, sản xuất hàng hoá chỉ mới bắt đầu nhưng chủ yếu dự vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

+ Nguồn nước sạch cho nhu cầu ăn và sinh hoạt của đồng bào còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là vào mùa khô.

+ Lực lượng lao động nhiều, nhưng lực lượng có kỹ thuật, có kiến thức về kinh tế còn rất ít, trình độ dân trí thấp. Do đó hạn chế nhiều việc đưa tiến bộ khoa học vào sản xuất.

1.3. Điều kiện thị trường - Tiềm năng - Lợi thế của sản xuất nông lâm nghiệp địa phương:

Thị trường tiêu thụ rộng lớn trước việc Việt Nam thực hiện các cam kết với Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) trong lĩnh vực nông nghiệp, trước hết là an ninh lương thực, xúc tiến thương mại, thú y, bảo vệ thực vật, lâm nghiệp.

Các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản cho người sản xuất thông qua hợp đồng theo Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg, ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Tỉnh tiếp tục hỗ trợ và hướng dẫn các doanh nghiệp mở rộng thị trường xuất khẩu nông, lâm, thuỷ sản, tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng và quản lý chất lượng nông sản hàng hoá, hướng dẫn các doanh nghiệp đăng ký bảo vệ thương hiệu hàng hoá.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp; đồng thời chuyển giao các khoa học kỹ thuật mới đến người nông dân.

Thực hiện tốt việc tăng cường và nâng cao chất lượng công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư. Thực hiện việc xã hội hoá công tác khuyến nông theo Nghị định số 56/2005/NĐ-CP, ngày 26/4/2005 của Chính phủ về khuyến nông, khuyến ngư.

Huyện tiếp tục đầu tư phát triển các cơ sở hạ tầng, phục vụ cho chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông lâm nghiệp, thuỷ sản. Hệ thống thuỷ lợi tiếp tục được hoàn chỉnh 80% công trình đầu mối, 60% chiều dài kênh mương được kiên cố, tăng cường đầu tư xây dựng các công trình tự chảy như đập rọ thép. Do đó các công trình cơ bản đảm bảo đủ nước tưới phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. 100% số xã, thị trấn đã có đường ô tô đến trung tâm xã và thôn bản, nhất là vùng sản xuất hàng hoá tập trung như lạc, mía nguyên liệu ... 100% số xã, thị trấn lắp đặt được điện thoại, có các trạm bưu điện xã đảm bảo nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân trong huyện.

Triển khai và thực hiện tốt Luật đất đai năm 2003, cơ bản hoàn thành việc "đồn điền, đổi thửa", tiếp tục thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sản xuất cho đồng bào dân tộc tại chỗ. Có chính sách khuyến khích và hỗ trợ nông dân thực hiện việc quy hoạch sản xuất, tập trung đất đai hình thành vùng sản xuất hàng hoá tập trung; khuyến khích phát triển

một số ngành nghề có tiềm năng như: phát triển cây lạc, cây đậu tương, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thuỷ sản ...

2. Đặc điểm chung về phát triển nông nghiệp huyện Chiêm Hoá

2.1. Kết quả sản xuất nông nghiệp trong 5 năm vừa qua (Từ năm 2001 - 2005)

* Trồng trọt:

- Kết quả sản xuất từng loại cây trồng:

Biểu 2: Kết quả sản xuất từng loại cây trồng

Hạng mục	2001	2002	2003	2004	2005
- Cây Lúa					
+ Diện tích (ha)	10.886,3	10.481,7	10.885	10.819,8	10.669
+ Năng suất (tạ/ha)	49,7	50,1	52,2	54	55,7
+ Sản lượng (tấn)	54.115	52,508	56,676	58.377,8	62.037
- Cây Ngô					
+ Diện tích (ha)	2471,9	2.654,4	2.528	2.954,1	2.784
+ Năng suất (tạ/ha)	33,7	35	38,6	41	40,4
+ Sản lượng (tấn)	8.338	9.284	9.748	12.126,4	11.247
- Cây lạc					
+ Diện tích (ha)	1.257,6	1.198	1.107	1.503,4	2.690
+ Năng suất (tạ/ha)	14,3	15,5	17,6	22,4	26,6
+ Sản lượng (tấn)	1.952	2.109,5	2.478	4.001,1	7.776
- Cây đậu tương					

+ Diện tích (ha)	251,6	338,6	199	273,5	715
+ Năng suất (tạ/ha)	12,5	13,8	15,5	16,4	16,5
+ Sản lượng (tấn)	316	467,7	308	447,8	1.182
-Cây khoai lang					
+ Diện tích (ha)	330	714,7	586	657,5	928
+ Năng suất (tạ/ha)	31,1	37,8	39,7	49	49,4
+ Sản lượng (tấn)	498	1.246	2.837	2.871	3.246,5
- Cây mía					
+ Diện tích (ha)	954,5	985	835	896,7	809
+ Năng suất (tạ/ha)	450	450	450	450	700
+ Sản lượng (tấn)	42.953	44.313	37.575	40.353,3	56.630
- Cây chè					
+ Diện tích (ha)	46	46	46	46	46
+ Năng suất (tạ/ha)	27,6	54	54	54	54
+ Sản lượng (tấn)	127	250	250	250	250

Nguồn số liệu: Phòng Nông nghiệp và PTNT Chiêm Hoá cung cấp

Sản xuất nông nghiệp từ năm 2001 đến năm 2005 trong điều kiện thời tiết diễn biến phức tạp: Không khí lạnh tăng cường rét đậm kéo dài. Vụ xuân, lượng mưa phân bố không đều, hạn hán kéo dài ở đầu vụ xuân, vụ đông đã ảnh hưởng đến diện tích gieo cấy, năng suất sản lượng các loại cây trồng. Nhưng do có sự chỉ đạo sát sao từ huyện đến cơ sở từ khâu làm đất, chuẩn bị giống, bố trí thời vụ, tập huấn hướng dẫn kỹ thuật, công tác thuỷ lợi ... cho nên sản xuất nông nghiệp từ năm 2001 - 2005 có bước chuyển biến

tích cực, công tác cầy lật đất qua đông, diện tích gieo trồng cây vụ đông đạt khá và đặc biệt là diện tích gieo trồng cây lạc hàng hoá từng bước hình thành vùng sản xuất hàng hoá tập trung.

Năng suất cây trồng năm sau cao hơn năm trước là do nông dân đã chú trọng trong đầu tư thâm canh.

Diện tích sử dụng giống lai, giống mới được đưa vào sản xuất hàng năm đều tăng.

Tổng sản lượng lương thực năm 2001 là 62.453 tấn đến năm 2004 là 70.504,3 tấn, năm 2005 đạt 73.284 tấn.

- Kết quả sản xuất từng loại con:

Biểu 3: Kết quả chăn nuôi, lâm nghiệp, thuỷ lợi

Hạng mục	2001	2002	2003	2004	2005
+ Đàn trâu (con)	33.160	34.888	35.375	35.709	36.627
+ Đàn bò (con)	1.420	1.668	2.025	2.450	3.254
+ Đàn lợn (con)	50.493	52.301	57.581	59.164	64.245
+ Đàn gia cầm (con)	600.000	601.611	736.410	592.180	942.703

Nguồn số liệu: Phòng Nông nghiệp và PTNT Chiêm Hoá cung cấp

Biểu 4: Kết quả trồng rừng nhân dân, kiên cố kênh mương

- Lâm nghiệp					

+ Trồng rừng nhân dân (ha)	557,7	443,1	715	609	700
- Thuỷ lợi					
+ Kiên cố hoá kênh mường (km)	77,65	66,61	0,6	31,1	58,78

Nguồn số liệu: Phòng Nông nghiệp và PTNT Chiêm Hoá cung cấp

2.2. Cơ cấu sản xuất:

Sản xuất Nông - lâm nghiệp của huyện trong những năm qua được phát triển, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất; triển khai thực hiện chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn, bước đầu hình thành vùng chuyên canh.

Năm 2005, sản lượng lương thực (thóc + ngô) đạt 73.274 tấn/82.179 tấn đạt 89,2% kế hoạch, tăng bình quân 7,43%/năm. bình quân lương thực đầu người 528 kg/năm, hệ số sử dụng đất ruộng đạt 2.46 lần. Năng suất lúa bình quân đạt 55,7 tạ/ha tăng bình quân 6,12%/năm, trong đó lúa lai đạt 61 tạ/ha; năng suất ngô đạt bình quân 40,4 tạ/ha tăng bình quân 5,02%/năm.

Chú trọng phát triển cây công nghiệp ngắn ngày, năm 2005: Diện tích cây lạc là 1.569,8 ha, năng suất đạt 29,1 tạ/ha, sản lượng đạt 4.563,8 tấn, diện tích tăng bình quân 7,1%/năm; đậu tương 307,9 ha, năng suất đạt 16,8 tạ/ha, diện tích tăng bình quân 17,07%/năm. Ổn định và tập trung thâm canh 725 ha mía, năng suất 60 tấn/ha. Hình thành vùng sản xuất lạc hàng hoá tại xã Phúc Sơn, Minh Quang, mía tại xã Vinh Quang, Trung Hoà. trồng mới, trồng lại 645,9 ha cây ăn quả.

Tổng đàn gia súc, gia cầm hàng năm đều tăng nhưng với tốc độ chậm, năm 2005 tổng đàn đạt là: Đàn trâu: 36.627 con, đàn bò 3.254 con, đàn lợn 64.245 con, đàn gia cầm 942.703 con, ổn định diện tích mặt nước 326 ha để nuôi thả cá, duy trì phát triển 84 lồng cá.

- Kết quả năng suất, sản lượng, giá trị hàng hoá từng loại cây. con

Tổng giá trị sản xuất năm 2005 đạt : 434.579 triệu đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2001 - 2005 là 10,12%.

Tỷ trọng các ngành kinh tế năm 2005

- Nông - lâm nghiệp: 57,3%

- Công nghiệp - xây dựng: 15,8%

- Dịch vụ: 29,9%

Thu nhập thực tế bình quân đầu người năm 2005 đạt 4.800.000 đông/người/tháng.

Sản xuất nông - lâm nghiệp tiếp tục phát triển, tích cực ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất; triển khai thực hiện chính sách khuyến khích phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn; bwocs đầu hình thành một số vùng sản xuất tập trung chuyên canh.

Năm 2005, sản lượng lương thực (thóc + ngô) đạt 73.274 tấn/82.179 tấn đạt 89,2% kế hoạch, tăng bình quân 7,43%/năm. bình quân lương thực đầu người 528 kg/năm, hệ số sử dụng đất ruộng đạt 2.46 lần; giá trị thu nhập bình quân/ha canh tác đạt 29,8 triệu đồng, tăng 4,8 triệu đồng; cơ cấu giống lúa lai hàng năm chiếm 45 - 60%, ngô lai trên 80% diện tích gieo trồng.

Chú trọng phát triển cây công nghiệp ngắn ngày Diện tích cây lạc là 1.569,8 ha, năng suất đạt 29,1 tạ/ha, sản lượng đạt 4.563,8 tấn, diện tích tăng bình quân 7,1%/năm; đậu tương 307,9 ha, năng suất đạt 16,8 tạ/ha, diện tích tăng bình quân 17,07%/năm. Ổn định và tập trung thâm canh 725 ha mía, năng suất 60 tấn/ha. Hình thành vùng sản xuất lạc hàng hoá tại xã Phúc Sơn, Minh Quang, mía tại xã Vinh Quang, Trung Hoà. trồng mới, trồng lại 645,9 ha cây ăn quả. Riêng cây nhãn, vải, cam quýt mới đạt 24,7%.

3. Đánh giá kết quả so với tiềm năng:

- Một số kết quả đã đạt được:

Đã xây dựng và tổ chức bình tuyển, chọn lọc nhân thuần giống trâu "Ngố" tại xã Hoà Phú, quy mô 135 con trâu giống để tạo điều kiện mở rộng dự án trên địa bàn huyện. Tổng đàn gia suc, gia cầm hàng năm đều tăng nhưng với tốc độ chậm: Đàn trâu: 36.627 con, đàn lợn: 64.245 con, gia cầm: 942.700 con, riêng đàn bò tăng gấp 3 lần; ổn đinh diện tích mặt nước 326 ha để nuôi thả cá, duy trì phát triển 84 lồng cá.

Trong chăn nuôi có những hộ gia đình điển hình nuôi từ 50 - 100 con lợn, 500 - 800 con gia cầm; mở rộng diện tích trồng ngô, cỏ voi, cỏ ghinê để làm thức ăn cho gia súc.

Trồng rừng tập trung hàng năm đảm bảo kế hoạch tỉnh giao. Tổng diện tích rừng từ năm 2001 - 2005 là 5.000 ha, trong đó trồng rừng tập trung 1.755 ha, trồng cây nhân dân 3.245 ha, độ che phủ của rừng là 68,3%. Đã sử dụng giống keo lai sản xuất bằng phwong pháp giâm hom, giống keo lai tai tượng nhập ngoại để nâng cao hiệu quả kinh tế trồng rừng. Bước đầu thực

hiện cơ chế liên doanh trồng rừng nguyên liệu giữa Lâm trường với hộ gia đình.

Tổ chức các biện pháp quản lý, bảo vệ khoanh nuôi tái sinh rừng: Diện tích rừng tự nhiên 77.792 ha, rừng trồng 9.716,9 ha, khoanh nuôi tái sinh (giai đoạn 2001 - 2005) 15.731 ha. ĐÃ cơ bản chuyển đổi diện tích trồng sả trên đất lâm nghiệp để trồng lại rừng; thực hiện quy hoạch, giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình quản lý sử dụng tại xã Trung hà, Tân An.

Bằng nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước và đóng góp của nhân dân đã đầu tư làm mới và nâng cấp 55 công trình thuỷ lợi đầu mối, kiên cố hoá 241 km kênh, đưa diện tích lúa được tưới chắc cả năm đạt 3.962 ha, chiếm 64,6% diện tích cấy lúa.

Đã triển khai thực hiện quy hoạch kiến thiết đồng ruộng, dồn điền, đổi thửa, gắn với phát triển hệ thống thuỷ lợi, giao thông nội đồng ở 318/396 thôn của 29 xã, thị trấn.

Thường xuyên củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống cán bộ khuyến nông; hệ thống sản xuất, cung ứng giống, vật tư nông - lâm nghiệp, nâng cao chất lượng công tác dự báo, phòng trừ sâu bệnh, công tác thú y.

Cùng với việc chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu giống cây trồng, huyện Chiêm Hoá đã triển khai thực hiện một số dự án chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, vừa phù hợp với điều kiện cụ thể của bà con nông dân trong vùng dự án, vừa mang lại hiệu quả kinh tế, cải thiện đời sống cho người chăn nuôi.

Từ năm 2004, Chiêm Hoá đã thực thi dự án bình truyển, nhân thuần giống trâu ngố tại xã Hoà Phú với số lượng ban đầu 121 con, trong đó có 98

trâu cái sinh sản. Sau một năm triển khai dự án, đàn trâu đã tăng thêm 82 trâu nghé. Kết quả theo dõi cho thấy: Trọng lượng nghé lúc sinh ra là 31kg, 3 tháng tuổi nặng 82 kg và lúc 12 tháng tuổi đạt trong lượng 237 kg, nặng hơn 40 kg đối chứng. Đây là cơ sở để huyện xây dựng dự án cải tạo đàn trâu, tiến hành bình tuyển lại toàn bộ đàn trâu trên địa bàn 29 xã, thị trấn. Chọn lọc những trâu đực đủ tiêu chuẩn (từ cấp 1 trở lên) làm trâu đực giống, phân bổ hợp lý, dảm bảo tỷ lệ trâu đực với trâu cái là 1/15. Quản lý chặt chẽ đàn trâu giống, theo dõi quản lý công tác phối giống , tránh đồng huyết, cận huyết . loại thải toàn bộ trâu đực không đủ tiêu chuẩn. Chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi cho từng hộ gia đình để từng bước khôi phục tầm vóc, chất lượng đàn trâu. Đảm bảo trọng lượng trâu nghé sinh ra phải đạt từ 25 kg trở lên, trâu 36 tháng tuổi đạt trọng lượng 270 kg trở lên đối với trâu cái và 310 kg trở lên đối với trâu đực. Cùng với việc đánh giá hiệu quả dự án cải tạo đàn trâu ở Hoà Phú để rút kinh nghiệm triển khai ở tất cả các xã trong huyện. Đồng thời, xúc tiến quảng bá thương hiệu trâu Chiêm Hoá, kêu gọi đầu tư xây dựng cơ sở chế biến thực phẩm từ thịt trâu phục vụ nhu cầu tiêu dùng của thị trường trong nước và xuất khẩu

Hưởng ứng chủ trương chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng vật nuôi, những năm gần đây, bà con nông dân Chiêm Hoá đã mạnh dạn đưa mô hình nuôi cá ruộng vào sản xuất vụ đông. Bước đầu đem lại hiệu qủa nhất định. Vụ đông năm 2005, toàn huyện đã tận dụng diện tích trằm thụt không thể đưa vào trồng màu để nuôi thả cá ruộng với tổng diện tích 200ha. Riêng xã vùng cao Trung Hà có 155,5 ha ruộng được đưa vào sản xuất vụ đông , trong đó có 55,5 ha ruộng thả cá, tăng gấp 2 lần so với diện tích cá ruộng vụ đông 2004. Hầu hết các hộ gia đình ở 17 thôn bản trong xã đều giành một phần diện tích ruộng chủ động nước để nuôi cá. Một số gia đình đã tự đầu tư con

giống để nuôi cá trên toàn bộ diện tích ruộng từ 0,2 đến 0,3 ha. Những gốc gia sau thu hoạch được giữ nguyên không cầy xới, bà con đắp bờ, giữ nước ở độ sâu trung bình từ 30 - 40 cm rồi thả cá vào nuôi. Bình quân 1.000m thả 10 kg cá giống, sau 3 tháng cho thu hoạch 40kg cá thịt, trừ chi phí, thu nhập đạt trên 800.000đồng. Năm 2005,, tổng sản lượng cá ruộng vụ đông ở Trung Hà ước đạt 20 tấn, cao nhất từ trước đến nay. Cá ruộng vụ đông ở Trung Hà chủ yếu là giống chép lai 3 màu trôi, mè, rô phi đơn tính... Nuôi cá ruộng vừa tận dụng được nguồn thức ăn sẵn có như cỏ, mầm dạ, côn trùng, vừa góp phần cải tạo, tăng độ phì cho đất. Khác với cây trồng, nuôi cá ruộng vụ đông không phụ thuộc vào thời gian thu hoạch nhất định. Tuỳ thuộc vào thời vụ sản xuất vụ xuân năm sau mà thu hoạch cá sớm hay muộn hơn ít ngày, thu nhập từ nuôi cá ruộng cũng cao hơn hẳn với một số loại cây màu vụ đông. Cá ruộng là một sản phẩm được ưa chuộng và rẽ tiêu thụ bởi thịt mềm, thơm, ngon, đặc biệt dùng để chế biến mắm ruộng, một trong những món ăn đặc sản nổi tiếng của vùng cao. Nuôi cá xen lúa và nuôi ruộng vụ đông là mô hình kinh tế hiệu quả đã và đang được đông đảo nông dân vùng cao ứng dụng vào sản xuất, góp phần nâng cao hệ số sử dụng đất, tăng nguồn thu nhập, cải thiện đời sống cho đồng bào các dân tộc trong xã.

Trước đây, chăn nuôi lợn ở Chiêm Hoá chỉ mang tính nhỏ lẻ, mỗi hộ chỉ nuôi từ 1-2 con. Do đó, không có sự đầu tư về chuồng trại, thức ăn, lợn chậm lớn và không mang lại hiệu quả kinh tế. năm 2005, gia đình anh Ma Văn Sơn ở xã Tri Phú, Trương Quang Học ở thôn Càng Nộc, xã Hoà Phú, Nguyễn Văn Quyết ở Đầm Hồng xã Ngọc Hội đã áp dụng mô hình chăn nuôi lợn và chuyển đổi phương pháp chăn nuôi theo hướng công nghiệp, mang lại hiệu quả cao. Qua học hỏi kỹ thuật chăn nuôi kết hợp với vốn kiến thức tích luỹ được sau 2 năm theo học lớp trung cấp chăn nuôi thú y của tỉnh

anh Sơn đã đầu tư xây dựng hệ thống chuồng trại kiên cố, chăn nuôi lợn hướng nạc, bình quân mỗi lứa 100 con, sau 4 tháng, trọng lượng mỗi con khi xuất chuồng đạt 80 kg - 100 kg. Thu nhập chăn nuôi lợn thịt cuả gia đình anh Sơn trong năm 2005 đạt trên 200.000.000đồng.

Ở thôn Hợp Long, xã Yên Nguyên, hàng chục gia đình đã tận dụng nguồn nước khe lạch ven rừng để đào ao thả cá và nuôi vịt siêu trứng. Gia đình anh Trần Văn Niên có đàn vịt siêu trứng 1200 con và hơn 200 con gà mái đẻ hàng tháng anh áp dụng biện pháp khử trùng và tiêm phòng cho đàn gia cầm theo đúng liều lượng và thời gian quy định. Do đó, đàn vịt khoẻ mạnh, không bị dịch bệnh và cung cấp trứng đều đặn. Bình quân 2 ngày, gia đình anh Niên thu nhặt 2000 quả trứng giao cho các lò ấp trứng trong huyện và huyện bạn Hàm Yên. Chăn nuôi gia cầm với số lượng lớn đã tạo việc làm cho 4 lao động trong gia đình với mức thu nhập1.200.000đ/ người/ tháng. Cùng với anh Niên ở Yên Nguyên ông Nguyễn Thanh Hải ở Ngọc Hội cũng đầu tư vào chăn nuôi lợn hướng nạc và nuôi vịt siêu trứng. Đàn vịt gần 1000 con của gia đình ông được chăm sóc tốt, tiêm phòng đầy đủ, cung cấp 700 đến 800 quả trứng mỗi ngày. Ông đầu tư lò ấp trứng, cung cấp thực phẩm và con giống cho bà con nông dân trong vùng.

Hầu hết các hộ gia đình ở thôn Đầm Hồng 1, xã Ngọc Hội đều tận dụng dải đất ven sông Gâm và các khu đồi thấp để trồng cây ăn quả. Suốt 4 mùa, các loại cây ăn quả như nhãn, vải, cam quýt... thay nhau trổ hoa. Đó cũng là điều kiện thuận lợi để gia đình anh Nguyễn Văn Quyết đầu tư vào nuôi ong mật và mang lại nguồn thu tương đối ổn định. Thấy được hiệu quả kinh tế từ 50 thùng ong nội, năm 2005, anh Quyết về tận công ty ong trung ương để học hỏi kinh nghiệm và mạnh dạn nuôi thí điểm 20 thùng ong ngoại. Vùa nuôi, vừa nhân đàn, đến cuối năm, gia đình anh đã có 212 thùng

ong ngoại, một nửa trong số đó đã cho thu hoạch. Vào giữa mùa hoa, trung bình một tuần, anh quay lấy mật 2 lần, lượng mật ong đã tiêu thụ được trên 3 tấn, đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài tỉnh. Nhiều bà con nông dân đã tìm đến trang trại của anh Quyết để học tập kinh nghiệm nuôi ong, nhân rộng mô hình, góp phần nâng cao thu nhập.

Tổ nhân dân Quảng Thái, thị trấn Vĩnh Lộc nằm ở ven ngòi Quẵng, chảy ra sông Gâm, rất thuận lợi cho các gia đình phát triển kinh tế bằng nghề nuôi cá lồng, chủ yếu là cá chiên, một loại cá đặc sản có giá trị kinh tế cao, được khách hàng ưa chuộng.

Từ những con cá chiên đánh bắt được trên sông Gâm, bà con thu gom về nuôi tập chung theo lứa, theo lồng. Khác với thức của cá trắm, cá mè là rau cỏ thì thức ăn của cá chiên là giun đất và cá con. Bù lại, cá chiên có khả năng kháng bệnh rất cao, kể cả vào mùa mưa lũ. Hiện tại, Quảng Thái có 70 lồng cá chiên trị giá hàng trăm triệu đồng. Gia đình anh Vũ Văn Kiệm là một điển hình về mô hình chăn nuôi con giống đặc sản gồm 1 đàn hươu sao 12 con đã cắt nhung, một bể baba hơn trăm con chuyên cung cấp cho các nhà hàng đặc sản và 5 lồng cá chiên đến tuổi thu hoạch. Mỗi con cá chiên nặng từ 1,5 - 2 kg có giá bán 170.000đồng/kg. Thu nhập từ chăn nuôi của gia đình anh Kiệm trong 2 năm gần đây đạt từ 50 đến 70 triệu đồng.

Khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương, xác định được con giống phù hợp trong chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, nhiều nông dân Chiêm Hoá đã thực sự trở thành chủ nhân của những mô hình chăn nuôi có hiệu quả kinh tế cao, không chỉ làm giàu cho gia đình mà còn đem lại hiệu quả kinh tế cao, không chỉ làm giàu cho gia đình mà còn thiết thực góp phần đưa nền kinh tế của huyện vùng cao Chiêm Hoá ngày càng phát triển.

- Xu thế phát triển thành vùng chuyên canh các loại cây, con:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX và Nghị quyết số 05 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh vàê chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi. Huyện có chủ trương phát triển kinh tế nông lâm nghiệp theo hướng hàng hoá và quy hoạch các vùng chuyên canh tập trung gắn với thị trường để đạt giá trị cao nhất trên 1 đơn vị diện tích gồm các vùng: Vùng sản xuất lạc hàng hoá với quy mô 3.000ha/năm, vùng trồng đậu tương 915 ha/năm, vùng mía nguyên liệu đường 900 ha, vùng trồng rau an toàn 10 ha.

Khuyến khích phát triển kinh tế trang trại nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả tiềm năng về đất đai, tạo việc làm tăng thu nập cho người lao động.

Duy trì và phát triển đàn gia súc, gia cầm, tiếp tục thực hiện các dự án về chăn nuôi bình tuyển, chọn lọc nhân thuần giống trâu Ngố tại huyện, quy hoạch và chuyển một phần diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thuỷ sản tập trung, xây dựng và phát huy các làng nghề truyền thống tại địa phương.

4. Một số tồn tại của cơ cấu sản xuất hiện tại và nguyên nhân:

- Tồn tại:

Sản xuất nông nghiệp có phát triển, sản lượng thực có tăng xong chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng của huyện; tỷ trong trong chăn nuôi còn thấp trong cơ cấu ngành nông nghiệp, chưa phát huy được thế mạnh chăn nuôi đại gia súc *(trâu, bò)*. Sản xuất còn manh mún, phân tán, chuyển dich cơ cấu cây trồng vật nuôi còn chậm, chưa tạo được các vùng chuyên canh sản xuất hàng hoá và thị trường tiêu thụ với quy mô lớn. Việc ứng dụng tiến bộ vào sản xuất còn chậm.

Sản lượng lương thực và diện tích cây lạc, đậu tương chưa đạt kế hoạch đề ra, chưa chủ động về giống cây trồng *(như giống lạc),* công tác quy hoạch bố trí cây trồng ở các xã quy hoạch sản xuất lạc hàng hoá chưa cụ thể; nhiều xã thực hiện chưa nghiêm túc lich thời vụ, nhất là vụ mùa do không quy hoạch riêng diện tích đất mạ dẫn đến gieo trồng chậm, ảnh hưởng đến sản xuất vụ sau:

Việc chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang trồng những loại cây khác có hiệu quả kinh tế cao hon còn chậm.

Vùng nguyên liệu mía đường phát triển chưa ổn định, vững chắc, do Công ty đường chưa có hệ thống chính sách thiết thực, phù hợp với người nông dân.

Việc phát triển đàn trâu, đặc biệt là công tác chọn lọc giống trâu thực hiện chưa đồng bộ ở tất các xã, thị trấn , một số xã vẫn để phát triển tự nhiên. Tỉnh chưa có cơ chế chính sách hỗ trợ cho các hộ dân có trâu đực nhưng không đạt tiêu chuẩn làm giống để tiến hành thiến hoạn, loại thải đàn trâu đực cóc; mặt khác do một số hộ dân thấy lợi ích trước mắt, nhận thức về công tác lai tạo giống nhằm nâng cao tầm vóc đàn trâu của còn hạn chế. Do vậy việc tuyên truyền, vận động thực hiện còn gặp khó khăn. Trong những năm gần đây nhiều hộ nông dân chuyển sang nuôi bò, số máy nông nghiệp phục vụ làm đất ngày càng tăng, nhu cầu cày bừa bằng trâu giảm nên đã ảnh hưởng khong nhỏ đến việc duy trì và phát triển đàn trâu của huyện.

Chương trình phát triển đàn lợn đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện do vậy đàn lợn phát triển nhanh về số lượng. Tuy nhiên việc phát triển đàn lợn hướng nạc còn chậm, chưa có nhiều cơ sở chăn nuôi tập trung vơi quy mô lớn theo hướng sản xuất hàng hoá

Chăn nuôi gia cầm chủ yếu là phát triển theo hướng quy mô hộ gia đình, chưa phát triển nhiều cơ sở sản xuất chăn nuôi tập trung.

- Nguyên nhân:

Về vấn đề quy hoạch: Công tác quy hoạch chưa đồng bộ từ thôn bản, các xã, thị trấn chưa phát huy và khai thác được lợi thế của địa phương (đồng đất, điều kiện kinh tế ...), dẫn đến công tác quy hoạch cho sản xuất nông - lâm nghiệp còn chậm.

- Về công nghiệp chế biến tiêu thụ sản phẩm: Chưa có cơ sở chế biến bảo quản tại địa phương, do vậy sản lượng nông lâm sản sản xuất ra còn sơ chế bảo quản thủ công tại hộ gia đình, dẫn đến chất lượng nông lâm sản bán ra thị trường đạt giá trị thấp, chưa khuyến khích được các hộ nông dân đầu tư thâm canh trong sản xuất.

-Việc áp dụng cac tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thâm canh sản xuất còn gặp nhiều trở ngại như: Ruông đất manh mún, trình độ dân trí, phong tục tập quán lạc hâu, bảo thủ ... Khoa học kỹ thuật đã được áp dụng vào sản xuất nhưng máy mó thiết bị lại cũ và lạc hậu ... do đó năng suất cây trồng thấp, nhiều xã do địa hình phức tạp, khó khăn thì lao động chủ yếu vẫn là chân tay và gia súc.

- Thu nhập dân cư nông thôn còn thấp, do đó sức mua tiêu dùng thấp ảnh hưởng đến dung lượng tiêu thụ của thị trường, chưa thể hiện được vai trò vừa là thị trường tiêu thụ vừa là thị trường sản xuất.

5. Bài học kinh nghiệm:

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc, triển khai các chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên, xây dựng chương trình hành động, kế hoạch nghiêm túc phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, thường xuyên

kiểm tra đôn đốc cơ sở; chú trọng tiếp thu kinh nghiệm, các tiến bộ khó học, kỹ thuật, tranh thủ sự giúp đỡ của các ngành, các nhà khoa học cả về vật chất và kỹ thuật. Qua nghiên cứu tìm hiểu rút ra một số kinh nghiệm sau:

- Đưa nông nghiệp vào sản xuất hàng hoá.

- Tập trung phát triển những cây trồng, vật nuôi có lợi thế so sánh thành ngành sản xuất hàng hoá chủ yếu, đồng thời đa dạng hoá sản phẩm nhằm:

+ Sử dụng hết tiềm năng sẵn có

+ Bảo vệ môi trường sinh thái

- Tập trung thâm canh sản xuất lương thực để vượt ngưỡng an toàn về lương thực.

- Phát triển kinh tế hộ, coi kinh tế hộ là kinh tế trang trại là lực lượng cơ bản, trực tiếp làm nông nghiệp.

- Quy hoạch hướng dẫn hình thành những vùng sản xuất nông nghiệp chuyên môn hoá.

- Thực hiện hệ thống chính sách nhằm khuyến khích ngành sản xuất hàng hoá, hình thành các ngành sản xuất nông nghiệp xuất khẩu.

- Trong cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp có sự chuyển dịch theo hướng đa dạng hoá sản xuất các loại sản phẩm nông - lâm - ngư nghiệp.

II/ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH PHAT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP CỦA HUYỆN CHIÊM HOÁ.

* Để phát triển kinh tế một cách bền vững phải chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phải theo hướng sản xuất hàng hoá.

Với nhận thức đó huyện Chiêm Hoá cần quán triệt quan điểm chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá. Trên cơ sở xây dựng hệ thống kinh tế mở, tạo điều kiện giao lưu, trao đổi hàng hoá, liên kết kinh tế với các tỉnh khác, khắc phục tình tình trạng tự cung, tự cấp khép kín, gắn sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến, đẩy mạnh sản xuất lương thực đảm bảo an ninh lương thực, coi lương thực có sức cần cứng rắn. Phát triển chè mía bảo đảm cung cấp một phần lớn nguyên liệu cho nhu cầu của các nhà máy chế biến của tỉnh. Mở rộng diện tích lạc, đậu tương và cây ăn quả và sản xuất rau xanh thực phẩm. Đây là hướng phát triển kinh tế hàng hoá trong sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Tuyên Quang nói chung và huyện Chiêm Hoá nói riêng, phát triển hàng hoá như vậy sẽ tăng nha nh được giá trị sản lượng các sản phẩm hàng hoá và tăng tỷ suất hàng hoá trong sản xuất nông nghiệp theo yêu cầu của thị trường.

* Chuyển cơ cấu cây trồng, vật nuôi phải theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Để phát triển kinh tế một cách bền vững, nâng cao mức sống của người dân thì huyện Chiêm Hoá cần phải gắn chặt chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá các ngành kinh tế nông nghiệp, có như vậy mới thúc đẩy sự phát triển kinh tế nông nghiệp huyện nhà.

* Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng khai thác hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là lợi thế so sánh với bảo vệ môi trường sinh thái.

Để phát triển kinh tế nông nghiệp một cách bền vững và tạo ra môi trường sinh thái tốt thì cùng với các biện pháp khác, cần phải có một cơ cấu kinh tế nông nghiệp có tác động tích cực trong việc chặn đứng việc suy thoái môi trường, hạn chế tối đa hoá sự ô nhiễm môi trường do con người gây ra, đồng thời từng bước cải thiện và xác lập sự cần bằng sinh thái.

* Chuyển đổi cơ cấu cây tròng, vật nuôi phải phát huy được vai trò tích cực của mọi thành phần kinh tế sản xuất nông nghiệp.

Việc chuyển đổi cơ câu giống cây trồng, vật nuôi của huyện Chiêm Hoá cần phải quán triệt hơn nữa đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần của Đảng và Nhà nước nhằm phát huy vai trò và tác dụng tích cực của thành phần kinh tế, mặt khác cơ cấu các thành phần kinh tế là nội dung của phát triển kinh tế. Do đó chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi phải bao hàm cả việc biến đổi cơ cấu các thành phần kinh tế sao cho chúng có mối liên hệ tương tác một cách biện chứng và phát huy được vai trò, tác dụng tích cực của mỗi thành phần kinh tế, đây là một trong những nhân tố quan trọng quyết định việc giải phóng năng lực sản xuất nông nghiệp ở nước ta nói chung và tỉnh Tuyên Quang nói riêng.

CHƯƠNG III

GIẢI PHÁP CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG LÂM NGHIỆP TRONG NHỮNG NĂM TỚI HUYỆN CHIÊM HOÁ ĐỂ ĐẢM BẢO PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG

I/ MỤC TIÊU:

Bước vào thực hiện mục tiêu nhiệm vụ giai đoạn 2006 - 2010, huyện Chiêm Hoá đứng trước những thuận lợi hết sức cơ bản, là huyện có tiềm năng và nguồn lực để phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp với khối lượng nông - lâm sản hàng hoá lớn như: Cây lâm nghiệp, cây lúa, cây ngô, lạc, đàn trâu. Nguồn khoáng sản đa dạng và có trữ lượng lớn, có vùng sinh thái phong phú, nguồn thuỷ sinh dồi dào, gắn với khu di tích lịch sử, văn hoá ... Đó là những điều kiện thuận lợi để huyện Chiêm Hoá phát triển ngành công nghiệp chế biến nông - lâm sản; khai thác chế biến khoáng sản ...

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi huyện Chiêm Hoá cũng gặp không ít những khó khăn, thách thức, đó là kinh tế của huyện chưa phát triển, kết cấu hạ tầng còn nhiều yếu kém, chưa thu hut đựơc đầu tư, khoảng cách và trình độ phát triển của huyện so với các địa phương khác còn lớn.

Vì vậy nhiệm vụ của huyện là cần phát huy truyền thống đoàn kết, phát huy nội lực, nắm chắc thời cơ, vượt qua thách thức để phát triển kinh tế gắn với tiến bộ xã hội nhanh, mạnh và vững chắc.

1. Mục tiêu chung:

Phát huy có hiệu quả mọi tiềm năng, nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội. Xác định cơ cấu kinh tế của huyện đến năm 2010 là: Nông - lâm nghiệp, công nghiệp - xây dựng, dịch vụ. Phát triển mạnh kinh tế Nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung gắn với thị trường. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tăng nhanh tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Quy hoạch và chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông lâm nghiệp và thuỷ sản trên cơ sở nhu cầu thị trường; phát huy lợi thế tự nhiên của từng xã, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm đạt được năng suất cao, chất lượng sản phẩm tốt, tăng khả năng cạnh tranh nông, lâm, thuỷ sản hàng hoá Việt Nam.

Quy hoạch và chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông lâm nghiệp và thuỷ sản phải gắn kết công nghệ bảo quản chế biến, thị trường tiêu thụ. Gắn với việc chuyển đổi cơ cấu lao động trong nông nghiệp và nông thôn

2. Mục tiêu cụ thể:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm 11,75%.

- Tập trung phát triển 4 loại cây trồng chính (Lúa, ngô, lạc, đậu tương)

- Đến năm 2010 sản lượng lương thực đạt 77.600 tấn, tăng bình quân hàng năm 1,6%; đảm bảo an ninh lương thực, năng suất lúa bình quân 62,2 tạ/ha, lúa lai 69 tạ/ha. Duy trì và ổn định 10.600 ha lúa, 2.515 ha ngô.

- Tập trung thâm canh hàng năm diện tích lạc hàng hoá 3.000 ha, năng suất đạt 31,9 tạ/ha; đậu tương 1.473 ha, năng suất đạt 19,8 tạ/ha.

- Duy trì và phát triển đàn gia súc, gia cầm, đảm bảo bình quân mỗi hôi từ 2 - 3 con trâu, bò; từ 3 con lợn và trên 80 con gia cầm trở lên/hộ.

Tỷ lệ đàn gia súc, gia cầm tăng bình quân hàng năm: Đàn trâu 3%, đàn bò 15%, đàn lợn 6%, gia cầm 10%.

- Trồng mới 5.450 ha rừng; trong đó rừng tập trung 2.850 ha, trồng cây nhân dân 2.620 ha, khai thác 141.000 m^3 gỗ rừng trồng, khai thác 21.500 tấn tre nứa nguyên liệu; giữ vững độ che phủ của rừng trên 70%.

3. Xác định các loại cây trồng, vật nuôi, bố trí thành vùng chuyên canh tập trung:

Phát triển nông nghiệp hàng hoá trên cơ sở xây dựng vùng nguyên liệu gắn với chế biến đối với các mặt hàng nông sản chủ lực. Lựa chon với những cây trồng thích hợp với địa hình vùng cao, có giá trị kinh tế nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, chú trọng vùng nghèo, vùng dân tộc ít người, chuyển đổi cơ cấu giữa trồng trọt, chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị, tích cực ứng dụng khoa học công nghệ nhằm tạo ra giá trị hàng hoá lớn trên một đơn vị diện tích và đảm bảo phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững.

a) Trồng trọt:

- Cây lương thực: Đến năm 2010 tổng sản lượng lương thực đạt: 77.602 tấn, trong đó thóc 65.959 tấn, ngô 11.643 tấn. Duy trì đầu tư thâm canh 10.600 ha lúa, năng suất bình quân đạt 62,2 tạ/ha, sản lượng đạt 65.959 tấn, diện tích ngô: 2.515 ha, năng suất đạt: 46,3 tạ/ha, sản lượng 11.643 tấn tại 29/29 xã, thị trấn.

- Cây công nghiệp lâu năm:

Cây mía: Quy hoạch, mở rộng diện tích trồng mía nguyên liệu tập trung tại các xã Vinh Quang, Kim Bình, Xuân Quang, Yên Nguyên, Trung Hoà, Hoà Phú, Tân Thịnh, Phúc Thịnh, Tri Phú, Ngọc Hội với diện tích 880 ha.

- Cây công nghiệp hàng năm:

+ Cây lạc: Triển khai thực hiện tại các hộ của 15 xã gồm: Yên Nguyên, Hoà Phú, Phúc Thịnh, Tân Thịnh, Tân An, Hà Lang, Trung Hà, Bình An, Hồng Quang, Thổ Bình, Minh Quang, Phúc Sơn, Tân Mỹ, Hùng Mỹ, Xuân Quang.

Thời gian thực hiện từ vụ xuân năm 2006 đến hết năm 2010 với diện tích năm 2006 là: 2.500 ha đến năm 2010 đạt: 3.000 ha.

+ Cây đậu tương: Quy hoạch triển khai thực hiện tại 8/29 xã cụ thể tại các xã: Vinh Quang, Hoà An, Trung Hoà, Kim Bình, Linh Phú, Tri Phú, Bình Nhân, Ngọc Hội.

- Cây ăn quả: 770,93 ha, trong đó tập trung đầu tư phát triển vùng cam xã Trung Hà, Hà Lang với diện tích 295,5 ha.

b) Chăn nuôi:

Phát triển chăn nuôi hàng hoá có giá trị kinh tế cao trên cơ sở tận dụng ưu thế của huyện miền núi; tập trung phát triển đàn trâu theo hướng bán công nghiệp, phát triển chăn nuôi bò, lợn hướng nạc, gia cầm theo quy mô trang trại, hộ gia đình.

- Chăn nuôi đại gia súc:

+ Đàn trâu: Chú trọng phát triển 16 xã vùng quy hoạch: Bình An, Hồng Quang, Thổ Bình, Minh Quang, Trung hà, Phúc Sơn, Tân Mỹ, Hà Lang, Hùng Mỹ, Yên Lập, Bình Phú, Phú Bình, Kiên Đài, Kim Bình, Tri Phú, Linh Phú đến năm 2010 đạt 26.566 con. Ngoài vùng quy hoạch: 15.894 con.

+ Đàn bò: Phát triển ở 29 xã, thị trấn đến năm 2010 đạt 9.460 con.

- Chăn nuôi tiểu gia súc: Phát triển 13 xã vùng quy hoạch Vĩnh Lộc, Tân An, Xuân Quang, Phúc Thịnh, Ngọc Hội, Tân Thịnh, Hoà Phú, Trung Hoà, Vinh Quang, Hoà An, Yên Nguyên, Nhân Lý, Bình Nhân đến năm 2010 đạt 43.400 con. Ngoài vùng quy hoạch 42.580 con.

- Chăn nuôi gia cầm: Các xã vùng quy hoạch Hoà Phú, Yên Nguyên, Vĩnh Lộc, Hoà An, Tân Thịnh, Trung Hoà, Xuân Quang, Phúc Thịnh, Ngọc Hội, Vinh Quang, Tân An là 745.793 con. Ngoài vùng quy hoạch 772.259 con.

- Khai thác diện tích mặt nước hiện có, xây dựng thêm các hồ thuỷ lợi kết hợp với nuôi trồng thuỷ sản tập trung với mục đích sản xuất hàng hoá; xây dựng cơ sở ươm cá giống tại xã Hoà An, Tân An, Trung Hà, Minh Quang để phục vụ nhu cầu tại chỗ và các huyện lân cận.

Vận động nhân dân nuôi cá lồng trên sông Gâm, Ngòi Quãng (thị trấn Vĩnh Lộc, các xã Trung Hoà, Vinh Quang, Ngọc Hội). Khuyến khích nuôi các loài cá đặc sản (cá Chiên, cá Bỗng, cá Lăng).

Chuyển đổi 20 ha ruộng chuyên canh 2 vụ lúa sang chuyên nuôi cá chép ruộng làm nguyên liệu mắm cá ruộng tại các xã:

STT	Xã	Diện tích (ha)	STT	Xã	Diện tích (ha)
1	Tân An	2	5	Phúc Sơn	2
2	Hà Lang	3	6	Minh Quang	3
3	Trung Hà	4	7	Thổ Bình	2
4	Hùng Mỹ	2	8	Bình An	2

Vận động nhân dân quy hoạch thiết kế đồng ruộng (chuôm, đường mương) hợp lý để nuôi cá xen lúa, nuôi cá ruộng vụ đông, mở rộng diện tích đất sử dụng 3 vụ.

II/ NỘI DUNG QUY HOẠCH:

1. Về trồng trọt:

Mục tiêu đến năm 2010:

- Sản lượng lương thực:

+ Mục tiêu: Đến năm 2010 tổng sản lượng lương thực đạt: 77.602 tấn, trong đó thóc 65.959 tấn, ngô 11.643 tấn. Duy trì đầu tư thâm canh 10.600 ha lúa, năng suất bình quân đạt 62,2 tạ/ha, sản lượng đạt 65.959 tấn, diện

tích ngô: 2.515 ha, năng suất đạt: 46,3 tạ/ha, sản lượng 11.643 tấn tại 29/29 xã, thị trấn.

- Cây lạc: 3.000 ha tập trung ở 15 gồm: Yên Nguyên, Hoà Phú, Phúc Thịnh, Tân Thịnh, Tân An, Hà Lang, Trung Hà, Bình An, Hồng Quang, Thổ Bình, Minh Quang, Phúc Sơn, Tân Mỹ, Hùng Mỹ, Xuân Quang, năng suất đạt 31,9 tạ/ha, sản lượng đạt 9.569 tấn.

- Cây đậu tương: 1.473 ha. Trong đó vùng chuyên canh 8/29 xã Vinh Quang, Hoà An, Trung Hoà, Kim Bình, Linh Phú, Tri Phú, Bình Nhân, Ngọc Hội: 865 ha, ngoài vùng chuyên canh 608 ha, năng suất đạt: 19,8 tạ/ha. sản lượng đạt 2.923 tấn.

- Cây mía: Quy hoạch, trồng mía nguyên liệu tập trung tại các xã Vinh Quang, Kim Bình, Xuân Quang, Yên Nguyên, Trung Hoà, Hoà Phú, Tân Thịnh, Phúc Thịnh, Tri Phú, Ngọc Hội với diện tích 880 ha. Năng xuất đạt: 63 tấn / ha. Sản lượng đạt hàng năm 55.440 tấn.

- Cây ăn quả: Đầu tư thâm canh 295,5 ha cây cam tại xã Trung Hà, Hà Lang, đến năm 2010 năng suất đạt 7,5 tấn / ha, sản lượng đạt 2.216 tấn.

- Tiêu thụ sản phẩm: Tạo điều kiện tốt nhất cho việc tiêu thụ sản phẩm cho nông dân, thực hiện Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 của Thủ Tướmg Chính phủ về khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hoá thông qua hợp đồng.

2) Về chăn nuôi mục tiêu đến năm 2010

- Chăn nuôi đại gia súc:

+ Đàn trâu: 42.640 con.

+ Đàn bò: 6.550 con.

- Chăn nuôi lợn: 85.980 con.

- Chăn nuôi gia cầm:

+ Quy hoạch chăn nuôi gia cầm tập chung chủ yếu ở các xã vùng thấp (Yên Nguyên, Hoà Phú, Tân Thịnh, Phúc Thịnh, Tân An , Hoà An, Trung Hoà, Vinh Quang, Ngọc Hội, Xuân Quang và thị trấn Vĩnh Lộc).Các xã khác tự quy hoạch tuỳ theo điều kiện quỹ đất của xã và nhu cầu chăn nuôi gia cầm.

Đến năm 2010 có 810 hộ chăn nuôi gia cầm có quy mô từ 100 con trở lên (11 xã trong vùng quy hoạch). Trong đó nuôi gà 578 hộ, nuôi vịt 232 hộ; hộ có quy mô 100 con: 280 hộ, hộ có quy mô 200 con: 240 hộ, quy mô 300 - 400 con: 186 hộ, quy mô 500 con trở lên: 104 hộ.

+ Quy hoạch chăn nuôi gia cầm giống: Quy hoạch các hộ chăn nuôi gia cầm giống bố mẹ tai các xã Yên Nguyên (3 hộ), Phúc Thịnh (4 hộ) và Vinh Quang (3 hộ). Quy hoạch 5 cơ sớ ấp trứng gia cầm tại Yên Nguyên 2 cơ sở, Phúc Thịnh 2 cơ sở, Vinh Quang 1 cơ sở.

Vận động nhân dân giảm chăn nuôi gia cầm quy mô nhỏ lẻ. Không chăn nuôi gia cầm trong khu nội thị thị trấn Vĩnh Lộc, khu đông dân cư ở các trung tâm xã và các thị tứ.

+ Xây dựng cơ sở giết mổ gia cầm:

Xây dựng một cơ sở giết mổ gia cầm kết hợp giết mổ gia súc tại tổ nhân dân Rẹ 1 thị trấn Vĩnh Lộc, vào năm 2007 với công suất 50 con lợn, 5 con trâu bò, 200 con gia cầm/ngày.

- Dự kiến đến năm 2010 xây dựng các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tại các xã Yên Nguyên, Hoà Phú, Vinh Quang với công suất mỗi cơ sở 10 con lợn,. 100 con gia cầm/ngày.

- Thuỷ sản:

+ Cải tạo diện tích ao hiện có, thâm canh tăng năng xuất cá ao bằng biện pháp đầu tư giống, thức ăn tinh, phân bón áp dụng các biện pháp thâm canh cá ao.

+ Chuyển một phần diện tích đất chằm thụt canh tác cây trồng nông nghiệp kém hiệu quả sang làm ao nuôi cá, tổng diện tích chuyển đổi là 50 ha nằm rải rác trên địa bàn các xã trong huyện.

+ Xây dựng các cơ sở nuôi ương cá giống tại xã Hoà An, Tân An, Trung Hà, Minh Quang để sản xuất ra cá giống cung ứng cho nhu cầu nuôi thả trên địa bàn huyện.

+ Vận động nhân dân nuôi cá lồng trên sông Gâm, ngòi Quãng (Thị trấn Vĩnh Lộc, các xã Trung Hoà, Vinh Quang, Ngọc Hội). Khuyến khích nuôi các loài cá đặc sản (cá chiên, cá Bỗng, cá Lăng).

+Chuyển đổi 20 ha ruộng chuyên canh 2 vụ lúa sang chuyên nuôi cá chép ruộng làm nguyên liệu sản xuất mắm cá ruộng tại các xã.

III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1) Công tác chỉ đạo:

- Trồng trọt:

Tập trung phát triển 4 loại cây trồng chính: Lúa (10.600ha), ngô (2.515ha), lạc (3000 ha), đỗ tương (1.473 ha); trong đó trú trọng phát triển thế mạnh cây lạc hàng hoá, sản lượng 9.569 tấn. Ổn định diện tích mía, chè, cây ăn quả hiện có.

Quy hoạch bố trí cây trồng hợp lý đảm bảo tận dụng mọi khả năng về diện tích, luân canh tăng vụ, kiên quyết không để diện tích đất bỏ hoang, nâng hệ số sử dụng dất ruộng lên 2,8 lần/năm.

Bố trí cơ cấu giống hợp lý với thời vụ, ổn định diện tích lúa lai chiếm 50 - 55% diện tích cấy lúa hàng năm. Thâm canh trên toàn bộ diện tích gieo trồng; chỉ đạo kiên quyết việc làm đất đảm bảo đúng kỹ thuật, đúng tiến độ để gieo trồng, đúng thời vụ.

Cụ thể các ngành như sau:

* Trồng trọt:

- Phòng Tài chính - kế hoạch, Phòng nông nghiệp và PTNT Phòng Tài nguyên - Môi trường, Hạt kiểm lâm Chiêm Hoá hướng dẫn UBND các xã , thị trấn trong vùng quy hoạch tiến hành rà soát, quy hoạch vùng sản xuất.

- Trên cơ sở vùng quy hoạch sản xuất. Phòng nông nghiệp và PTNT phối hợp với UBND các xã, thị trấn tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật, theo dõi tổng kết, đánh giá hiệu quả thực hiện theo đề án đã xây dựng

- Trạm giống vật tư NLN Phối hợp với UBND các xã, thị trấn tổ chức cho các hộ nông dân đăng ký vật tư và có trách nhiệm cung ứng đày đủ số lượng, đảm bảo chất lượng các loại vật tư đã đăng ký đến từng hộ nông dân kịp thời theo kế hoạch, phục vụ kịp thời cho sản xuất.

- Trạm Bảo vệ thực vật thường xuyên kiểm tra, dự tính dự báo sâu bệnh kịp thời; thông báo và hướng dẫn cho nông dân cách phòng trừ có hiệu quả.

- Ngân hàng nông nghiệp và PTNT tiến hành thẩm định kịp thờitạo điều kiện tốt nhất cho các hộ nông dân vay vốn ngay từ đầu vụ sản xuất.

- UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm chính tronmg việc tổ chức thực hiện, phối hợp với các cơ quan có liên quan và các đoàn thể, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia thực hiện.

- Các Hợp tác xã NLN trong vùng quy hoạch có trách nhiệm phối hợp với Trạm giống vật tư NLN huyện tiếp vật tư, phân bón cung ứng đến hộ nông dân bảo về chất lượng, số lượng theo nhu cầu đăng ký của nông dân.

- Các hộ nông dân phải chịu trách sự giảm sát, chỉ đạo của UBND xã, HTX và các cơ quan chuyên môn của huyện về thực hiện đúng quy trình kỹ thuật sản xuất.

* Chăn nuôi:

Triển khai đồng bộ các biện pháp thực hiện phòng chống dịch bệnhgia súc, gia cầm; thực hiện nghiêm ngặt công tác thú y; chủ động đối phó với dịch bệnh, hạn chế thấp nhất khi có dịch bệnh xảy ra. Tích cực thực hiện chương trình phát triển thuỷ sản đến năm 2010.

2) Cơ chế chính sách:

Đi đôi với việc thực hiện nghiêm túc những chính sách kinh tế Nhà nước đã ban hành để hỗ trợ, khuyến khích, động viên và làm các hộ nông dân yên tâm đầu tư phát triển sản xuất như chính sách về đất đai, chính sách vay vốn tián dụng, chính sách thuế, chính sách phát triển kinh tế tran trại và các chính sách hỗ trợ sản xuất đối với cao, vùng sâu, xa. Huyện cần nghiên cứu và thực hiện một số biện pháp hỗ trợ mang tính cụ thể phù hợp với điều kiện của huyện để giúp hộ nông dân phát triển kinh tế hộ, trong đó cần chú trọng những biện pháp sau:

2.1 Trồng trọt:

Nhà nước hỗ trợ, giao nhiệm vụ cho các tổ chức cá nhân tiêu thụ sản phẩm cho các hộ nông dân. Thực hiện việc hỗ trợ cước vận chuyển cho tổ chức, cá nhân tham gia tiêu thụ

Tiếp tục thực hiện hỗ trợ gái giống lúa lai, ngô lai cho các xã vùng 135. Hỗ trợ về giống cho các hộ nông dân mạnh dạn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới.

Khuyến khích các thành phần kinh tế tư nhân tham gia đầu tư phát triển cây lạc, cây đậu tương nhằm tăng năng suất, chất lượng. Các chính sách hỗ trọ như: 60% giống mới, 40% phân bón để thực hiện mô hình chuyển đổi giống mới.

Hỗ trợ các tổ chức cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm các hoạt động xây dựng thương hiệu, xúc tiến tiêu thụ sản phẩm.

2.2 Chăn nuôi:

- Đàn trâu, bò: Đề nghị hỗ trợ kinh phí bình tuyển toàn bộ đàn trâu, bò trên địa bàn các xã, thị trấn. Hỗ trợ 40% kinh phí mua trâu, bò đực giống, hỗ trợ kinh phí luân chuyển trâu, bò đực giống, hỗ trợ kinh phí thiến hoạn trâu, bò đực không đủ tiêu chuẩn làm giống, hỗ trợ kinh phí cho hệ thống quản lý đàn trâu, bò giống như: đào tạo cán bộ, tập huấn kỹ thuật cho người chăn nuôi, sổ sách theo dõi, kìm bấm số tai ...

- Đàn lợn: Huyện cần có chính sách khuyến khích phù hợp (cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ kỹ thuật, tập huấn chuyển giao những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới) cho các tổ chức cá nhân phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp với quy mô trang trại.

- Đàn gia cầm: Hỗ trợ lãi suất cho các hộ gia đình có nhu cầu chăn nuôi với quy mô lớn gắn với quy hoạch khu vực giết mổ tập trung. Hỗ trợ quy hoạch mặt bằng để xây dựng các cơ sở hạ tầng, các cơ sở giết mổ tập trung tại các xã, thị trấn. Hỗ trợ cho việc đào tạo tập huấn cho nông dân các biện pháp phòng chống dịch bệnh gia cầm , đặc biệt là cúm gia cầm.

3) Về kỹ thuật:

- Công tác giống: Đưa nhanh các giống lúa lai, lúa thuần, giống ngô, giống lạc, giống đậu tương có năng suất, chất lượng cao, thời gian sinh trưởng ngắn vào sản xuất. Lựa chọn con giống trâu, bò có đủ tiêu chuẩn làm giống.

+ Lựa chọn các giống cây trồng ngắn ngày có giá trị kinh tế cao.

+ Bình tuyển những giống trâu đực và trâu cái đủ tiêu chuẩn để làm giống, những trâu đực xếp cấp tổng hợp từ cấp I trở lên và trâu cái xếp cấp tổng hợp từ cấp II trở lên, tiến hành đánh số tai để quản lý theo đúng quy

định của quản lý giống. Quản lý chặt chẽ việc xuất, nhập đàn trâu giống đã được chọn lọc. Thực hiện thiến hoạn những trâu đực không đủ tiêu chuẩn làm giống tại các vùng có trâu đực giống tốt. Tại những vùng chưa có trâu đực giống tốt thì tiến hành loại thải dần.

Thực hiện chăn nuôi bò thịt Brahman thuần tại những xã có điều kiện, đồng thời tiến hành tuyển chọn những bò, bê đực tốt giữ lại để cải tạo đàn bò vàng địa phương.

Tuyển chọn những con cái đủ tiêu chuẩn của đàn bò vàng địa phương để lai tạo với bò lai Sinel nhằm nâng cao tầm vóc của đàn bò địa phương.

Tiến hành chọn lọc bình tuyển đàn lợn móng cái, chọn nững con đủ tiêu chuẩn sản xuất giống lai lai tạo với con đực móng cái thuần (nái thuần chủng để sản xuất ra nái nền thương phẩmcho lai tạo với lợn ngoại tạo ra con lai F1 có năng suất chất lượng lợn thịt.

Khuyến khích các hộ chăn nuôi lợn hướng nạc theo hình thức chăn nuôi công nghiệp với quy mô lớn, nhằm tạo ra sản phẩm hàng hoá, góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế toàn huyện.

+ Đầu tư xây dựng cơ sở nuôi gà bố, mẹ để cung cấp sản xuất ra những con giống đáp ứng nhu cầu chăn nuôi lâu dài, hạn chế tới mức thấp nhất việc nhập con giống từ các tỉnh khác để tránh việc lây , phát sinh dịch bệnh.

- Công tác tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật: Hệ thống khuyến nông từ huyện đến cơ sở tăng cường bám sát thôn bản, đồng ruộng, hộ gia đình để hướng dẫn chuyển giao những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới để người dân áp dụng trong sản xuất.

Công tác chuyển giao phải gắn với từng loại cây trồng, từng vùng quy hoạch.

- Công tác khuyến nông:

Công tác khuyến nông có vị trí hết sức quan trọng trong sự nghiệp phát triển nông nghiệp. Do đó thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi của huyện, nhất là trong việc đua tiến bộ khoa học đến các hộ nông dân trong những năm tới cần đẩy mạnh công tác khuyến nông, xây dựng các mô hình khuyến nông để lựa chọn các giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất cao chất lượng tốt phù hợp với điều kiện của huyện.

+ Tăng cường củng cố hệ thống khuyến nông từ huyện đến cơ sở các xã, thị trấn, thôn bản làm cho hệ thống khuyến nông ddur năng lực giúp huyện quản lý Nhà nước về giống cây trồng, vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc trừ sâu theo quy định hiện hành. Phổ biến những tiến bộ về kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi; công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản, những kinh nghiệm điển hình tiên tiến về kỹ thuật và quản lý trong nông nghiệp . Cung cấp những thông tin về thị trường giá cả để các hộ nông dân bố trí sản xuất, kinh doanh có hiệu quả.

+ Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến nông, đặc biệt là cán bộ khuyến nông cơ sở, đảm bảo mỗi xã ít nhất có 1 cán bộ khuyến nông xã và mỗi thôn bản có 1 cán bộ khuyến nông thôn bản

+ Hướng dẫn và cung cấp thông tin đến người sản xuất bằng nhiều hình thức như thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm và các hình thức thông tin truyên truyền khác.

+ Hàng vụ tổ chức tập huấn về kỹ thuật cho người nông dân để giúp người dân nâng cao kiến thức, kỹ năng sản xuất, quản lý kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp, thuỷ sản.

+ Tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm cho người sản xuất.

+ Xây dựng mô hình trình diễn về tiến bộ khoa học công nghệ phù hợp với từng địa phương, nhu cầu của người sản xuất.

+ Xây dựng các mô hình công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản.

+ Chuyển giao kết quả khoa học công nghệ từ các mô hình trình diễn để nhân ra diện rộng.

+ Tư vấn chính sách, pháp luật về: Đất đai, thuỷ sản, thị trường, khoa học công nghệ, áp dụng kinh nghiệm tiên tiến trong sản xuất, quản lý, kinh doanh, về phát triển nông - lâm nghiệp, thuỷ sản.

+ Dịch vụ đào tạo, cung cấp thông tin, chuyển giao khoa học công nghệ, xúc tiến thương mại , thị trường, giá cả.

+ Tư vấn hỗ trợ trong việc lập các dự án đầu tư phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản và ngành nghề nông thôn phù hợp với quy hoạch phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản và ngành nghề nông thôn của huyện.

Tư vấn hỗ trợ phát triển ứng dụng công nghệ sau thu hoạch, chế biến nông sản, lâm sản, thuỷ sản; quản lý sử dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

+ Quảng bá giới thiệu các sản phẩm, mặt hàng nông lâm sản trên địa bàn, giúp nông dân tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm.

4. Các giải pháp khác:

- Vấn đề thị trường, tiêu thụ sản phẩm: Quá trình chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá thì thị trường phải là yếu tố quyết định và quan trọng nhất. Vì vậy phải mở rộng và phát triển thị trường, đẩy nhanh việc tiêu thụ hàng hoá.

Để thực hiện được giải pháp về thị trường, đối với điều kiện cụ thể của huyện Chiêm Hoá cần:

+ Đào tạo đội ngũ có kiến thức về thị trường, đẩy mạnh công tác tìm kiếm thị trường, quan hệ với các cơ quan làm tư vấn cho địa phương để đổi mới, đa dạng hoá sản xuất và ổn định việc tiêu thụ sản phẩm. Để làm được vậy thì cần thiết phải chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi gắn liền với nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần phát triển theo cơ chế thị trường có sự quản lý ví mô của Nhà nước.

+ Sản phẩm nông nghiệp hiện nay tiêu thụ trên thị trường là sản phẩm thô tươi sống chưa qua ché biến, bảo quản do đó thị trường bị thu hẹp cả chiều rộng và chiều sâu, bởi vì sản xuất nông nghiệp còn mang nặng tính thời vụ, cho nên khi có thì ồ ạt, rất nhiều nhưng trong khoảng thời gian ngắn mà nhu cầu thì lại quanh năm. Chính vì vậy chúng ta phải phát triển công nghệ chế biến, bảo quản nông sản phẩm thì sẽ kéo dài thời gian tiêu thụ mà chất lượng sản phẩm không thay đổi.

+ Tuyên truyền và khuyến khích thay đổi tập quán tiêu dùng của nhân dân,nên ăn có chất lượng chứ không phải ăn về số lượng để no bụng. Nếu thay đổi được nhận thức đó thì sẽ thay đổi được sinh hoạt, cách tiêu dùng, nâng cao sức mua của dân cư, qua đó tác động đến thị trường.

Ngoài việc thích ứng để khai thác, thị trường tỉnh Tuyên Quang nói chung và thị trường huyện Chiêm Hoá nói riêng phải chú trọng đến các thị trường khác ở trong nước. Từng bước phân tích tìm kiếm thị trường, thông qua xuất khẩu và xuất khẩu tại chỗ.

- Giải pháp ruộng đất:

+ Thực hiện nhanh chóng luật đất đai, sớm hoàn thành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Khuyến khích việc chuyển đổi, tích tụ và tập trung ruông đất vào những người có khả năng sản xuất kinh doanh giỏi.

+ Nghiên cứu và tìm hướng giải quyết về mặt pháp lý những vấn đề kinh tế - xã hội nảy sinh khi quá trình tích tụ và tập trung đất diến ra nhanh chóng.

+ Cần phải triệt để hoàn thành việc giao đất, khoán rừng cho nông dân.

KẾT LUẬN

Vấn đề chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi để đảm bảo phát triển kinh tế một cách bền vững ở huyện Chiêm Hoá là quá trình phải trải qua nhiều nấc thang của sự phát triển. Do đó thực trạng và những giải pháp thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, hình thành vùng chuyen canh tập trung theo hướng có hiệu quả đang được Đảng và Nhà nước ta quan tâm không ngừng đổi mới và đưa những giải pháp thích hợp. Nó được xác định là nội dung cơ bản trong quá trình đổi mới kinh tế nhằm chuyển nền nông nghiệp từ sản xuất lạc hậu, thủ công tự cấp sang nền sản xuất nông nghiệp hàng hoá có trình độ khoa học nông nghiệp phát triển tạo

ra năng suất và chất lượng sản phẩm ngày càng cao. đáp ứng được nhu cầu về lương thực, thực phẩm một cách vững chắc, ổn định cho xã hội.

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội huyện Chiêm Hoá đã thu được những thành tự đáng kể nhưng vẫn còn những hạn chế nhất định như: còn nhiều tiềm năng chưa được phát huy, năng suất lao động; năng suất ruộng đất thấp; thu nhập của người nông dân chưa cao, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn.

Do đó Chiêm Hoá xác định phát triển kinh tế nông nghiệp vẫn là nhiệm vụ quan trọng trong những năm tiếp theo. Việc chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi trong sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ bức thiết trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy huyện Chiêm Hoá cần phải được tổng kết thực tiễn một cách toàn diện đầy đủ, mặt khác cần tìm tòi những chính sách phù hợp và có hiệu quả cao đồng thời cần thiết phải có sự giúp đơc chỉ đạo thông nhất từ TW đến địa phương đường lối chính sách và công cụ quản lý kinh tế mới có thể tạo ra những thế lực phục vụ quá trình phát triển kinh tế và nâng cao đời sống nhân dân ở huyện Chiêm Hoá.

Với đề tài ***"Thực trạng và những giải pháp thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu giống cây trông, vật nuôi và phát triển kinh tế trên địa bàn huyện huyện Chiêm Hoá"*** cùng sự hướng dẫn tận tình của thầy Bùi Đức Thọ em đã hoàn thành tốt chuyên đề thực tập này.

Song do thời gian có hạn và kiến thức thực tế còn chưa nhiều nên chuyên đề của em sẽ không tránh khỏi những thiếu xót, em mong nhận được sự đóng góp của các thầy, cô, lãnh đạo Phòng Nông nghiệp để báo cáo của em được hoàn thiện hơn.

Em xin trân thành cám ơn.

Chiêm Hoá, ngày tháng năm 2007

Sinh viên thực tập

Trương Thị Thu Giang

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện sản xuất nông lâm nghiệp 2001-2005, dự kiến mục tiêu, giải pháp thực hiện sản xuất nông lâm nghiệp 2006-2010.

Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Chiêm Hoá

2. Báo cáo tham luận kết quả công tác 5 năm của phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Chiêm Hoá từ 2001 -2005.

3. Đề án phát triển trồng trọt, chăn nuôi giai đoạn 2006 - 2010.

Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Chiêm Hoá

4. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Chiêm Hoá lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2005 - 2010.

5. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Tuyen Quang lần thứ XIV.

6. Giáo trình kinh tế học phát triển - Nhà xb lý luận chính trị

7. Dự án phát triển vùng sản xuất lạc, đậu tương hàng hoá.

Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Chiêm Hoá

8. Dự án phát triển chăn nuôi trên địa bàn huyện

Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Chiêm Hoá

9. Giáo trình Quản lý kinh tế - Khoa Khoa học quản lý trường Đại học KTQD Hà Nội

10. Giáo trình kinh tế nông nghiệp - Nhà xuất bản Thống kê Hà Nội